

Số: 05/CBTT.NSS

Đồng Nai, ngày 18 tháng 05 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Mã chứng khoán: NSS

Trụ sở chính: 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3899790

Fax: (0251) 3899102

Email: dolicomail@dolicovn.com

Website: <https://dolicovn.com>

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Diên Tường – Giám đốc

Loại thông tin công bố: ☐ 24h; ☐ 72h; ☐ Yêu cầu; ☐ Bất thường; ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Thư mời và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tất cả thông tin và tài liệu họp đại hội được đăng tải trên website công ty:

<https://dolicovn.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN DIÊN TƯỜNG

TCTY CÔNG NGHIỆP TP ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN
ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/TM.NSS

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2021

THƯ MỜI

“V/v tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021”

Kính gửi : QUÝ CỔ ĐÔNG CTY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai năm 2021.

I. Thời gian : 08 giờ 30 ngày 08/6/2021 (sáng thứ ba)

II. Địa điểm : Văn phòng Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai, 238 Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

III. Nội dung dự kiến cần thông qua tại Đại hội:

1. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2020, và kế hoạch SXKD năm 2021;
2. Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng kế hoạch năm 2021;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động SXKD năm 2020;
4. Các tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thông qua:
 - a. Tờ trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
 - b. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
 - c. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT,
 - d. Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
 - e. Tờ trình V/v phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch SXKD và chia cổ tức năm 2021.
 - f. Tờ trình về tiền lương thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
 - g. Tờ trình về ủy quyền cho HĐQT chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021
 - h. Tờ trình về Quy chế bầu cử và số lượng, danh sách đề cử nhân sự để bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025.
5. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Tài liệu sẽ được phát cho quý cổ đông trong ngày diễn ra đại hội và được công bố trên website của công ty: <https://www.dolicovn.com/quan-he-co-dong/>



IV. Điều kiện tham dự đại hội:

Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày 10/5/2021).

V. Đăng ký tham dự Đại hội:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc uỷ quyền tham dự Đại hội đến hết ngày 28/5/2021.

VI. Cổ đông tham dự Đại hội:

Vui lòng mang theo giấy CMND hoặc hộ chiếu (bản chính). Đối với trường hợp được uỷ quyền đề nghị mang theo: Giấy uỷ quyền (bản chính), giấy CMND hoặc hộ chiếu của cổ đông (bản sao) và giấy CMND hoặc hộ chiếu (bản chính) của người được uỷ quyền.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

Địa chỉ: 238 Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ĐT : 0251 3899790;

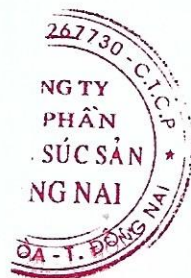
Fax : 0251 3899102

Email: ngocngan@dolicovn.com

Người liên hệ : Huỳnh Thị Ngọc Ngân ; ĐT : 0909496077.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông!

Trân trọng!



**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Hồng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN ĐỒNG NAI

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Tên cá nhân hoặc tổ chức ủy quyền:
CMND/ CCCD/ GPĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:
Điện thoại:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ:*)
Tương ứng: % vốn điều lệ của Công ty.

Bằng văn bản này tôi ủy quyền cho:

Ông (bà):
CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Số điện thoại: Fax: Email:

Được thay mặt tôi/ chúng tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai tổ chức vào ngày 08/6/2021, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/ chúng tôi đang sở hữu.

Ông/ bà được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung, quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai năm 2021.

....., ngày ... tháng... năm 2021

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN ĐỒNG NAI

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Họ và tên (tổ chức, cá nhân):

Người đại diện vốn tổ chức:

CMND /CCCD/ GPĐKKD số: ngày cấp: nơi cấp:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hiện đang sở hữu (hoặc đại diện): cổ phần (Bằng chữ:

.....)

Tôi xin xác nhận sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai ngày 08/6/2021.

....., ngày tháng năm 2021

Người đăng ký

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN ĐỒNG NAI
(Dành cho nhóm cổ đông)

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai cùng nhau nắm giữcổ phần, có tên trong Danh sách dưới đây:

Họ tên	Số CMTND	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
Tổng số CP				

Người đại diện nhóm:.....

CMND/ CCCD/ GPĐKKD số:Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú/Trụ sở:

Bằng văn bản này chúng tôi ủy quyền cho::

Ông (bà)/Tổ chức:

CMND/GPĐKKD số:Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú/Trụ sở:

Được thay mặt chúng tôi tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai và biểu quyết tất cả những vấn đề có liên quan tương ứng với số cổ phần do chúng tôi sở hữu.

Ông/ bà được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung, quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền chỉ có hiệu lực tại Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2021

ĐẠI DIỆN NHÓM ỦY QUYỀN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI**

Thời gian từ 8h30' đến 11h30' ngày 08/6/2021 (buổi sáng thứ ba)

Địa điểm: Tại Hội trường văn phòng Công ty Cổ Phần Nông Súc Sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc - P. Tân Hiệp - TP Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai

STT	NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI
I	PHẦN ĐÓN TIẾP KHÁCH MỜI VÀ CỔ ĐÔNG.
1	Các đại biểu về dự Đại hội đăng ký với ban tổ chức nhận tài liệu tham dự Đại Hội
II	PHẦN NGHI THỨC.
1	Chào cờ
2	Tuyên bố lý do - giới thiệu Đại biểu về dự Đại hội
3	Báo cáo tư cách cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội - Quy chế làm việc tại Đại hội
4	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch - Thư ký Đại hội
5	Thông qua Chương trình chính thức của Đại hội
III	PHẦN NỘI DUNG.
1	Báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2020, và kế hoạch SXKD năm 2021
2	Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng kế hoạch năm 2021
3	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động SXKD năm 2020
4	Các tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
	Tờ trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020
	Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT
	Tờ trình về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
	Tờ trình V/v phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch SXKD và chia cổ tức năm 2021
	Tờ trình về Tiền lương, thù lao chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.
	Tờ trình về ủy quyền cho HĐQT chọn công ty kiểm toán năm 2021
	Tờ trình về Quy chế bầu cử và số lượng, danh sách đề cử nhân sự để bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025.
5	Đại hội bầu cử TVHĐQT và TV BKS nhiệm kỳ 2021-2025 của Công ty Dolico và ra mắt trước Đại hội
6	Đại hội thảo luận, lấy ý kiến, HĐQT giải trình trước Đại hội. - Biểu quyết thông qua
7	Đại diện lãnh đạo Dofico phát biểu Ý kiến
8	Lời đáp từ của HĐQT
9	Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại Hội – Biểu quyết
10	Bế mạc Đại hội – Chào cờ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SỨC SẢN ĐỒNG NAI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2020, và kế hoạch SXKD năm 2021.
2. Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng kế hoạch năm 2021.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động SXKD năm 2020.
4. Các tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
 - a. Tờ trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
 - b. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
 - c. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT,
 - d. Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
 - e. Tờ trình V/v phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch SXKD và chia cổ tức năm 2021.
 - f. Tờ trình về tiền lương thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
 - g. Tờ trình về ủy quyền cho HĐQT chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021
 - h. Tờ trình về Quy chế bầu cử và số lượng, danh sách đề cử nhân sự để bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025.

Tháng 06/2021

Biên Hòa, ngày tháng 06 năm 2021

“Dự thảo”

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021.**

A/ TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SXKD NĂM 2020.

I/ Đánh giá tình hình chung:

Năm 2020 trong bối cảnh đại dịch Covid hoành hành khắp thế giới, nó đã làm thay đổi cơ bản mối quan hệ tiêu dùng, đi lại, tiếp xúc, nhu cầu sử dụng v.v... theo đó rất nhiều ngành nghề đã gặp không ít khó khăn trong SXKD và thông qua bối cảnh đó mới thấy rõ vai trò của ngành nông nghiệp nói chung và ngành chăn nuôi nói riêng nó góp phần giải quyết đời sống cho người dân, ổn định thực phẩm góp phần giữ vững an ninh trật tự cho toàn xã hội. Đối với ngành chăn nuôi sau đợt khủng hoảng do dịch bệnh (AFS) năm 2019 thì quý I, quý II năm 2020 có hiện tượng cung không đủ cầu làm cho giá cả tăng cao tuy nhiên giữa quý II trở đi nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Chính Phủ trong việc tăng đàn do vậy giá cả cũng đã bình ổn trở lại và vẫn đảm bảo cho ngành chăn nuôi có lãi. Trước tình hình đó Ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty luôn bám sát các mục tiêu kế hoạch đã được Tổng Công ty giao, để thực hiện điều hành hoạt động SXKD tại đơn vị một cách linh hoạt, đồng thời định hướng rất cụ thể về mục tiêu và giải pháp để xây dựng phát triển cơ sở sản xuất vững chắc cho năm 2020 và những năm tiếp theo, với những nguồn lực hiện có và đội ngũ người lao động có kinh nghiệm trong sản xuất, Công ty đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm là **sản phẩm tốt và thị trường linh hoạt** đây là những mục tiêu để công ty phấn đấu để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020.

II/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

1/ Những khó khăn và thuận lợi.

a/ Khó khăn.

- Khó khăn lớn nhất của đơn vị trong năm 2020 vẫn là tình hình dịch bệnh AFS trên địa bàn của tỉnh Đồng Nai vẫn rất phức tạp, do chưa có vaccine cho nên việc khống chế dịch AFS không hề dễ dàng, mà vẫn phụ thuộc vào ATSH và sự quyết tâm của đội ngũ lãnh đạo và sự chấp hành nghiêm túc của NLĐ.

- Về các nguyên liệu chính TAGS như bắp, cám gạo, khô đậu nành, năm 2020 tăng 15-20 % so với cùng kỳ năm trước làm cho giá thành chăn nuôi cũng tăng lên đáng kể.

- Diễn biến thời tiết cũng rất phức tạp lúc nắng thì biên nhiệt cao, lúc mưa thì lượng mưa dồn dập liên tục, làm cho vi khuẩn cơ hội tăng cao và từ đó dịch bệnh theo mùa cũng phát triển mạnh làm cho chi phí phòng chống dịch bệnh cũng tăng cao.

- Việc cung cấp đủ lượng nước cho đàn heo duy trì hoạt động sản xuất trong mùa khô ngày càng khó khăn khi mạch nước ngầm ngày càng thấp đây cũng là thách thức lớn cho đơn vị trong năm vừa qua cũng như những năm tiếp theo.

- Song song với việc nước cấp thì việc xử lý nước thải tuy các đơn vị trực thuộc Công ty đều có hệ thống xử lý nước thải, tuy nhiên cũng gặp không ít khó khăn khi mật độ dân cư ngày càng tăng uy hiếp các vùng đệm đã quy hoạch chăn nuôi của Công ty.

- Địa bàn rộng, các trại chăn nuôi xa cách cũng làm tăng chi phí vận chuyển cám, lưu trữ nguyên liệu và việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát không thuận lợi, tình hình an ninh trật tự và bảo vệ tài sản tại các cơ sở chăn nuôi khá phức tạp.

b/Thuận lợi:

- Được sự quan tâm và chỉ đạo của Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai một cách kịp thời cũng đã góp phần vào kết quả SXKD của đơn vị trong năm 2020 vừa qua.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty đã chủ động trong công việc điều hành, quản lý sản xuất, chăm lo đời sống cho người lao động, từ đó đã phát huy được sức mạnh tập thể đoàn kết, an tâm công tác thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm 2020.

Với những khó khăn và thuận lợi đã nêu trên cộng với sự cố gắng, quyết tâm làm việc của tập thể người lao động công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức nhiệm vụ SXKD năm 2020 với số liệu cụ thể như sau.

2/ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.

1. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính năm 2020.

Số tt	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH 2020/ TH 2019	TH 2020/ KH 2020
	1	2		3	4	5= 4/3	5= 4/3
1	SẢN XUẤT, TIÊU THU						
a	- Heo giống	tấn		-	2,8	-	
b	- Heo thịt	tấn	4.526	3.360	4.600,3	101,64%	136,91%
2	TỔNG DOANH THU	Tr. đ	199.688	219.180	355.596	178,08%	162,24%
3	LỢI NHUẬN (trước thuế)	Tr. đ	27.344	42.000	161.632	591,11%	384,84%
4	LỢI NHUẬN (sau thuế)	“	23.002	34.550	136.860	594,99%	396,12%
5	NỘP NGÂN SÁCH	Tr. đ	5.831	7.448	26.092	447,47%	350,32%
6	ĐẦU TƯ XDCB	Tr.đ	3.916	2.000	1.364	34,83%	68,20%
7	LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN	người	120	125	122	101,67%	97,60%
8	THU NHẬP BÌNH QUÂN	Tr.đ/ng/th	9,8	10,5	14,5	147,96%	138,60%
9	LỢI NHUẬN SAU THUẾ/VỐN ĐIỀU LỆ	%	22,40%	33,66%	133,34%	595,27%	396,12%
10	LỢI NHUẬN SAU THUẾ/VỐN CHỦ SỞ HỮU	%	11,57%	17,38%	60,8%	525,75%	350%

3/Thực hiện sản xuất chăn nuôi heo.

a) Trại heo Dolico Suối Cao:

Trại heo Dolico Suối Cao thực hiện sản xuất chủ lực của công ty, đây là trại chuyên sản xuất giống 3 cấp từ cụ kỵ, ông bà, bố mẹ với công suất thiết kế là 2.400 nái sinh sản, đến thời điểm 31/12/2020 tổng đàn heo là 9.964 con, trong đó tổng đàn nái sinh sản đạt 2.248 con, chuồng trại đạt 93% công suất thiết kế. Trong năm 2020 trại Dolico Suối Cao cung cấp cho các trại trong hệ thống trại Dolico cụ thể là:

- + Cung cấp cho trại Dolico Tân An:
- Heo con giống 3 máu nuôi thịt: 10.065 con, trọng lượng 206.498 kg.
- Heo hậu bị và các loại heo khác: 814 con, trọng lượng 42.975 kg.
- + Cung cấp cho trại Dolico Xuân Thành: 25.177 con, trọng lượng 376.360 kg.
- Doanh thu tại trại: 12.925.966.500 VNĐ

b) Trại heo heo Dolico Tân An.

Trại Tân An là trại có mô hình chăn nuôi tổng hợp bao gồm nái sinh sản và heo thịt thương phẩm với lợi thế riêng có là gần thị trường tiêu thụ heo thương phẩm. Trại có thiết kế công suất 1.200 nái sinh sản, đến thời điểm 31/12/2020 tổng đàn heo đạt 12.826 con, trong đó đàn nái đạt 981 con, chuồng trại đạt 82% công suất thiết kế. Trong năm 2020 đạt được kết quả là:

- Ngoài số heo thương phẩm nhận từ trại Dolico Suối cao trại tự sản xuất 13.266 con heo thịt thương phẩm.
- Tiêu thụ ra thị trường: 23.331 con trọng lượng 2.218.436,5 kg.
- Doanh thu tại trại: 169.307.766.650 VNĐ

c) Trại heo heo Dolico Xuân Thành. Là trại chuyên biệt nuôi heo thịt thương phẩm với công suất thiết kế là 10.000 heo thịt thương phẩm, đến thời điểm 31/12/2020 tổng đàn heo đạt 9.587 con, chuồng trại đạt trên 95% công suất thiết kế. trong năm 2020 đạt được kết quả là:

- Tiêu thụ ra thị trường: 22.371 con, trọng lượng: 2.111.841 kg.
- Doanh thu tại trại: 165.033.021.500 VNĐ.

4) Đánh giá chung về sản xuất chăn nuôi năm 2020.

Về tình hình SXKD trong năm 2020 là một năm rất thuận lợi về giá cả thị trường đối với heo thịt thương phẩm, giá bán lúc cao điểm đạt đến 98 ngàn/kg lúc thấp điểm cũng đạt đến 68 ngàn/kg. Giá bán bình quân trong năm là 75.442 đ/kg. Tuy vậy giá thành cũng tăng lên đáng kể, nguyên nhân giá thành tăng có thể kể đến như: Tăng chi phí cho nhuộm lao động khi phải cấm trại chống dịch, tăng chi phí thuốc để ATSH phòng chống dịch bệnh, tăng chi phí vận chuyển xe vận chuyển trung chuyển, vật tư trang thiết bị ...

5/Các giải pháp đã triển khai thực hiện trong năm 2020.

a) Tổ chức và điều hành sản xuất.

Ngay từ cuối năm 2019 bước vào đầu năm 2020 Ban lãnh đạo công ty đã nhận định năm 2020 là một năm đầy cơ hội cho ngành chăn nuôi heo , cơ hội này chỉ dành cho những đơn vị chăn nuôi có bài bản, nghiêm túc và vận hành theo hệ thống khép kín từ SX thức ăn đến con giống đến heo thịt và thị trường tiêu thụ .Từ đầu năm 2020 công ty đã tổ chức giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ SXKD đến các trại chăn nuôi heo trực thuộc, áp dụng các định mức khoán sản phẩm đến từng người lao động và ký hợp đồng giao các chỉ tiêu chính trong chăn nuôi như FCR (tiêu tốn thức ăn trên kg tăng trọng), ADG (Tăng trọng bình quân/con/ngày), chi phí thuốc thú y, tỉ lệ nuôi sống từng giai đoạn, qua tổng kết các bảng chăn nuôi cho thấy trách nhiệm và tính tự giác trong sản xuất được nâng cao, góp phần cải thiện đưa năng suất sản lượng tăng lên so với năm trước, đạt hiệu quả cao trong sản xuất. Trong năm toàn Công ty có 44 trường hợp được khen thưởng do vượt chỉ tiêu.

b) Các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi và thú y.

Đề tồn tại và phát triển qua đợt dịch AFS năm 2019 chắc chắn là không đơn giản, điều mà Công ty chúng ta đã làm được trong đó các giải pháp kỹ thuật được coi là quan trọng và then chốt có thể kể đến các giải pháp sau:

- Một là tầm nhìn khi dịch chưa đến để có sự phòng bị từ xa.
- Hai ban hành các quy trình phòng chống dịch AFS, và các loại bệnh truyền nhiễm khác một cách kịp thời.
- Đưa ra được các biện pháp ATSH cụ thể phù hợp cho từng trại tùy theo mức độ uy hiếp của từng vùng dịch.
- Động viên NLD chấp hành nghiêm túc các quy trình đó.
- Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên việc chấp hành quy trình ATSH.
- Sửa đổi và bổ sung kịp thời các biện pháp sát với thực tế diễn biến của dịch bệnh.
- Liên kết với các cơ sở khoa học để thực nghiệm các đề tài khoa học ứng dụng vào sản xuất.

c) Về công tác giống.

Trong công tác giống công ty Dolico vẫn xác định hai mục tiêu chính. Một là tiếp tục nâng cao năng suất sinh sản của đàn nái PS, Hai là ngoại hình đàn heo thịt 3 máu đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng trong nước đối với heo thịt là: dài đòn, nạc nhiều, xương nhỏ, da mỏng, móng vai nở đây là tiêu chí mà công ty phải vươn tới. Với hai mục tiêu trên bắt buộc phải đi bằng con đường di truyền giống, do vậy công ty tiếp tục xác định hệ thống tháp giống của Dolico chia làm 3 cấp bao gồm: GGP, GP và PS. Trong đó cấp GGP là cấp được nhập trực tiếp từ Mỹ và Đài Loan và chọn lọc đặc biệt.

d) Sản xuất cám TAGS.

Trong năm 2020 xưởng sản xuất TAGS đã sản xuất và cung cấp cho các trại trong công ty là 9.520 tấn. Ban Giám Đốc và phân xưởng TAGS luôn giám sát, phân tích nguyên liệu đầu vào làm cơ sở để nhập nguyên liệu do vậy chất lượng ổn định góp phần duy trì tốt năng suất đàn heo phát triển ổn định.

Thường xuyên so sánh chất lượng, giá cả cám tự sản xuất với cám mua ngoài của các nhà máy, để chọn lựa đưa vào sử dụng phù hợp với nhu cầu từng nhóm heo, lứa tuổi heo, đảm bảo đàn heo phát triển ổn định và chi phí thấp hơn mua cám ngoài.

e) Biện pháp quản lý và khoa học công nghệ.

Phòng kế toán công ty thường xuyên kết hợp với kế toán trại thực hiện kiểm kê, kiểm tra, kiểm soát các chi phí phục vụ cho sản xuất như TAGS, thuốc thú y, nhiên liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm bán ra đúng theo quy định của công ty, rà soát các định mức về tiêu tốn thức ăn gia súc, thuốc thú y và các loại vật tư khác để điều chỉnh kịp thời hạn chế lãng phí, thất thoát trong sản xuất. Ngoài ra Công ty cũng luôn chú trọng đến việc đào tạo cán bộ như tổ chức tập huấn, huấn luyện cho người lao động hàng quý, trong năm cũng đã cử 2 cán bộ đi học đại học chuyên ngành chăn nuôi thú y. Áp dụng các phần mềm vào sản xuất như: phần mềm Feed live thiết lập công thức TAGS, phần mềm Herdsman để quản lý trang trại, v.v...

g) Biện pháp tài chính:

Công Ty luôn chú ý đến luân chuyển dòng tiền một cách hiệu quả nhất, từ việc quản lý tốt công nợ như nợ phải thu, nợ phải trả đều nằm dưới mức ngưỡng quy định, số tiền nhàn rỗi phải được đưa ngay vào lưu thông do vậy trong năm qua nguồn thu từ đầu tư tài chính cũng tăng đáng kể.

h) Đầu tư xây dựng:

Do thực hiện chủ trương lộ trình thoái vốn nhà nước tại Công ty CP Nông Súc Sản ĐN trong năm 2020 do vậy trong năm qua Công ty không đề xuất mở rộng quy mô xây dựng thêm các công trình mà chủ yếu là sửa chữa nhỏ để phục vụ kịp thời cho công tác sản xuất. Trong công tác sửa chữa nhỏ như: sửa chữa chuồng trại, thay hệ thống mái tôn, dàn lạnh, chuồng lồng, hệ thống quạt, chuồng tân đảo, v.v... Điều do bộ phận cơ khí và phòng ban công ty tự làm qua đó

cũng tiết kiệm nhiều chi phí thuê mướn nhân công bên ngoài, đảm bảo an toàn dịch bệnh góp phần tăng hiệu quả cho đơn vị.

i/Chia cổ tức trong năm 2020 cho các cổ đông.

Trong năm 2020 Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2019 với mức là: 17.551.340.820 đ (1.710 đồng/CP). Ngoài ra còn tạm ứng cổ tức năm 2020 với mức 40% là 41.055.768.000 đ (4.000 đ/CP) và Công ty đã thực hiện chi tạm ứng cổ tức xong vào ngày 28 và 29 tháng 12 năm 2020.

B/ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I/ Khái quát tình hình đầu năm 2021.

1/Nhận định tình hình chung:

Bước vào đầu năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid trên người vẫn còn diễn biến phức tạp khó lường mặt dù thế giới đã có vaccine nhưng virus Corona đã có những biến chủng lây lan nhanh hơn do vậy thế giới chưa thể kết thúc đại dịch trong thời gian sớm được. Trước thực tế đó tình hình lưu thông hàng hóa chưa thể bình thường được, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp như khô đậu tương, bắp, các loại nguyên liệu khác, mặt khác thị trường trung Quốc vẫn đang thiếu nguyên liệu TAGS để chăn nuôi phục vụ nhu cầu nội địa do vậy giá cả các loại nguyên liệu TAGS vẫn đứng ở mức cao chắc chắn sẽ ảnh hưởng nguồn nguyên liệu trong nước. Đi kèm với những thách thức luôn có những cơ hội đó là thị trường thịt heo trong nước vẫn còn thiếu, năm 2020 vừa qua mặc dù Bộ NN&PTNT có những chính sách ưu đãi để tái đàn heo tuy nhiên do dịch bệnh vẫn còn phức tạp đặc biệt là nguồn giống ông bà, bố mẹ không đủ cho nên việc tái đàn vẫn chưa bù đắp được lượng thiếu hụt như trước dịch. Do vậy chúng tôi nhận định năm 2021 vẫn còn cơ hội cho ngành chăn nuôi heo. Vấn đề còn lại là cần tổ chức sản xuất tốt, duy trì năng suất lao động, đảm bảo an toàn dịch bệnh, chăm lo tốt đời sống CBCNV là chúng ta sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2/ Chiến lược định hướng phát triển của công ty năm 2021.

vấn đề thoái vốn nhà nước tại đơn vị hiện nay đã có chứng thư thẩm định của Công ty tư vấn, đang chờ quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai, do vậy Công ty cũng chưa đặt ra mục tiêu kế hoạch phát triển dài hạn mà chỉ tập trung vào các chiến lược ngắn hạn trong năm 2021.

- Tuyệt đối không được để dịch bệnh xảy ra.
- Phân đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng, doanh thu, lợi nhuận được giao.
- Tăng lương cho NLĐ ít nhất là 5% so với năm 2020.
- Thực hiện tốt các chính sách cho người lao động, nộp ngân sách đầy đủ theo quy định.
- Chú trọng công tác an ninh bảo vệ tài sản của công ty, ATLĐ, PCCN, tích cực tuyên truyền toàn thể CBCNV phòng ngừa trước mọi biểu hiện tiêu cực, lãng phí trong hoạt động SXKD của đơn vị.

3/ BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

Số tt	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoặchnăm 2021
1	SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT-TIÊU THỤ		
a	- Heo thịt	tấn	4.200
2	TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	270.000
3	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	51.500

4	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tr.đồng	43.335
5	NỢP NGÂN SÁCH	“	9.058
6	SỐ LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN	người	124
7	THU NHẬP BÌNH QUÂN	Tr.đồng/ng/ tháng	14
8	CHIA CỔ TỨC DỰ KIẾN	%	30

II/Các giải pháp thực hiện.

1/Giải pháp kỹ thuật:

- Ban giám đốc thường xuyên chỉ đạo sát sao, từ khâu chọn người giao việc cho đến việc kiểm tra và các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất, bên cạnh đó khen thưởng kịp thời cho các cá nhân có kết quả lao động cao vượt các chỉ tiêu công ty đề ra.

- Các trại tiếp tục thực hiện tốt quy trình lai tạo đàn cụ kỵ, ông bà, bố mẹ, tuân thủ sơ đồ phối giống, áp dụng đàn heo hiện có với đàn heo nhập từ Mỹ và Đài Loan còn lại nhằm cải thiện chất lượng heo giống, heo thịt thương phẩm có ngoại hình ngày càng phù hợp với thị trường Việt Nam.

- Cập nhật và sử dụng phần mềm Herdsman quản lý đàn heo để kiểm soát dữ liệu phân tích kết quả và xác định những hành động cần thực hiện chính xác đúng quy trình kỹ thuật để đưa ra các quyết định đúng nhằm nâng cao năng suất cũng như khắc phục các nhược điểm tiềm ẩn trong đàn mà trong điều kiện theo dõi bình thường người quản lý trại khó nhận biết.

- Khoa học kỹ thuật phát triển liên tục, tiếp tục cải thiện nâng cao các kiến thức về sản xuất chăn nuôi heo và sự phát triển của nó, để áp dụng trong hệ thống Dolico.

Thực hiện tốt nguyên tắc an toàn sinh học như:

Các trại khép kín, kiểm soát kỹ, hạn chế con người ra vào, tắm vệ sinh, sát trùng sạch khi vào trại, quần áo được để cách ly theo từng nhóm công nhân chăn nuôi lợn, thực hiện đúng quy trình cùng vào (All in), cùng ra (All out).

Kiểm soát tốt các mầm bệnh PED, Myco, Circo, Aujeszky, PRRS, Dịch tả, FMD, v.v..

- Về thú y tiếp tục thực hiện quy trình phòng chống dịch một cách nghiêm ngặt nhất, phấn đấu giảm 1% tỷ lệ chết trên đàn cai sữa, đồng thời nâng số con đẻ ra là 0,5 con trên một nái/lứa, các chỉ tiêu khác phấn đấu bằng năm 2020.

- Tổ chức hội thảo chuyên đề nâng cao kiến thức kỹ thuật chăn nuôi heo trong tình hình mới cho bộ phận kỹ thuật từ đó hướng dẫn đào tạo, trực tiếp cho người lao động tại cơ sở ngày càng chuyên sâu hơn và giỏi trong sản xuất tại đơn vị.

2/Biện pháp hạ giá thành sản phẩm

- Trong chăn nuôi heo chi phí TAGS chiếm tỷ trọng 75% giá thành sản phẩm, do vậy trong sản xuất cám TPGS thực hiện đúng theo quy trình, công thức đã phê duyệt, đảm bảo sự pha trộn đồng đều và đúng chất lượng từng loại cám, chọn lọc các loại nguyên liệu có chất lượng tốt và phù hợp giá thị trường làm cho chi phí sản xuất cám thấp nhất nhằm giảm giá thành chăn nuôi, nhưng cũng phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng để đàn vật nuôi phát triển tốt.

- Theo dõi tổng kết các hợp đồng chăn nuôi theo từng băng, các chỉ tiêu KTKT chính để áp dụng tiền lương, tiền thưởng, kích thích tăng năng suất lao động, giảm giá thành góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của toàn đơn vị.

3/Công tác quản lý đất đai các tài sản khác.

Thực hiện tốt công tác quản lý tài sản công theo ND 167 của Thủ Tướng Chính Phủ.

4/ Công tác thị trường xây dựng thương hiệu.

- Mở rộng thị phần trong tỉnh và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Bình Phước, các tỉnh miền tây, TP Hồ Chí Minh ...
- Chính sách bán hàng tùy theo từng giai đoạn, Ban Giám đốc đề ra chương trình thực hiện hậu mãi phù hợp với từng đối tượng khách hàng mua sản phẩm Dolico.
- Tăng cường quảng cáo sản phẩm Dolico trên Website, báo, đài, truyền hình, các hội thảo, diễn đàn chăn nuôi, v.v..

5/ Công tác nhân sự và tiền lương.

- Công ty có chính sách tiền lương thích hợp cho CB.CNV tại các cơ sở sản xuất vùng sâu xa thành phố.
- Khuyến khích người lao động phấn đấu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ lâu dài cho công ty.
- Thực hiện đầy đủ theo thỏa ước LĐTT, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động ngày càng tăng lên.

Năm 2021 Công ty Cổ Phần Nông Sản Đồng Nai nhận định là năm có những khó khăn, phức tạp tuy nhiên cũng có rất nhiều mặt thuận lợi cơ bản. Với kinh nghiệm qua nhiều năm điều hành hoạt động SXKD của đơn vị. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty có bản lĩnh kinh nghiệm để điều hành sản xuất phù hợp điều kiện thực tiễn sản xuất của đơn vị, BGĐ cùng toàn thể CBCNV quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 đã đề ra.

Trên đây là báo cáo tổng kết năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của BGĐ Công ty, kính trình Đại hội xem xét.

Kính chúc Quý Đại biểu và toàn thể cổ đông mạnh khỏe, Kính chào trân trọng.

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN DIÊN TƯỜNG

“Dự thảo”

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính thưa các Quý vị Cổ đông !

Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai chúng ta diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam trên đà phát triển hội nhập, tình hình sản xuất kinh doanh chịu nhiều tác động của nền kinh tế thị trường và tình hình chính trị trên thế giới.

So với năm 2019, tình hình chăn nuôi năm 2020 tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn, các đơn vị chăn nuôi heo chịu nhiều tác động của bệnh dịch tả heo Châu Phi, đơn vị phải đối đầu với nhiều rủi ro phát sinh mới trong sản xuất và chịu sự cạnh tranh khốc liệt trên mặt trận tiêu thụ sản phẩm ra thị trường.

Với tinh thần đoàn kết và đồng thuận cao của các thành viên trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra. Bên cạnh đó Hội đồng quản trị đã phát huy năng lực, trách nhiệm ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và một số định hướng phát triển Dolico năm 2021 như sau.

I/.KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2020

Trong năm 2020, các thành viên trong Hội đồng quản trị công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Hội đồng quản trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc trong các hoạt động SXKD của Công ty.

Năm 2020, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD do tình hình dịch bệnh Covid – 19 bùng phát một số địa phương trên cả nước do đó Hội đồng quản trị đã linh động bám sát nghị quyết để cùng Ban Giám đốc và toàn thể người lao động Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình, quyết tâm trong sản xuất đạt thành quả, lợi ích thiết thực cho người lao động và Quý cổ đông trong năm 2020.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị cùng với Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt, linh hoạt để vượt qua những khó khăn, thách thức để điều hành Công ty phấn đấu đạt được các kết quả năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số tt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH2020/KH2020
	1	2	3	4=3/2

1	Tổng doanh thu	218.180	355.596	162,98
2	Lợi nhuận sau thuế	34.550	136.827	396,02
3	Nộp ngân sách	7.448	26.092	350,32
4	Cổ tức dự kiến	Từ 50%/VĐL trở lên	122 %	244

1. Về hoạt động của HĐQT.

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 02 kỳ Đại hội (tháng 6/2020 tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và tháng 11/2020 tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020)

HĐQT duy trì họp định kỳ theo quy định (03 tháng một lần) và họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình cũng như số lượng thành viên dự họp, trong năm HĐQT đã tổ chức triệu tập 10 phiên họp, đồng thời định kỳ hàng quý trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trong năm 2020 của Công ty

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	21/02/2020	Thông qua kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý I năm 2020	100%
2	02/NQ-HĐQT	16/03/2020	Thông nhất chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
3	03/NQ-HĐQT	07/5/2020	Thông qua kết quả SXKD quý I năm 2020, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý II năm 2020	100%
4	04/NQ-HĐQT	05/6/2020	Thông nhất thời gian và chương trình, các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
5	01/NQ-ĐHĐCĐTN	18/06/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2019, - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2020, - Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019, - Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019. Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2019. - Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2019 - Thông qua tờ trình về phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức 	100%

			năm 2019, - Thông qua tờ trình mức tiền thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, Ban kiểm soát Công ty trong năm 2020, - Thông qua tờ trình việc chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2020.	
6	05/NQ-HĐQT	30/6/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019	100%
7	06/NQ-HĐQT	31/7/2020	Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2020, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý III năm 2020	100%
8	07/NQ-HĐQT	23/10/2020	Thông qua kết quả SXKD 9 tháng năm 2020, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý IV năm 2020	100%
9	08/NQ-HĐQT	02/11/2020	Thông qua việc tổ chức và tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020	100%
10	01/QĐ-HĐQT-NSS	08/5/2020	Thay đổi ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức đúng theo quy định của pháp luật; các hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định; toàn bộ biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp ký đầy đủ, theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, từ đó đề ra các chủ trương, Nghị quyết phù hợp với chủ trương chính sách nhà nước nhằm kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của công ty và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành tại các cơ sở chăn nuôi.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất 100% ý kiến của các thành viên HĐQT tham dự.

2. Về chỉ đạo thực hiện các chủ trương và kế hoạch SXKD.

Trong năm 2020 HĐQT giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 và hàng quý họp HĐQT tổng kết quá trình hoạt động SXKD trong quý và thống nhất các phương hướng nhiệm vụ SXKD cho các quý tiếp theo. Từ đó chỉ đạo Ban Giám đốc công ty trực tiếp điều hành sản xuất tại các trại chăn nuôi thực hiện sản xuất đồng bộ sản phẩm heo giống, heo thịt chất lượng tốt tiêu thụ trên thị trường đạt hiệu quả cao trong năm 2020.

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và năm 2020.

HĐQT ủy quyền cho Ban Giám đốc công ty tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các dây chuyền cai sữa cũ thành chuồng sản tạo điều kiện tốt nhất phục vụ sản xuất chăn nuôi đạt hiệu quả.

Trong năm 2020, tập thể người lao động công ty chủ động khắc phục, vượt qua khó khăn để ứng phó phòng chống dịch Covid -19 trên con người và đặc biệt thực hiện nghiêm ngặt phòng chống dịch tả Châu Phi trên đàn heo tại các trại chăn nuôi, sử dụng chuồng trại hiện có áp dụng các biện pháp chăn nuôi tiên tiến để thúc đẩy tăng năng suất lao động, kết quả về sản lượng và doanh thu, lợi nhuận đạt hiệu quả cao, hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2020.

3. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong năm 2020

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Giám đốc điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Chính vì vậy, các chỉ tiêu chủ yếu của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã hoàn thành tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững lâu dài cho đơn vị.

Trong hoạt động sản xuất chăn nuôi heo của Công ty gặp nhiều khó khăn, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực khắc phục, năng động, linh hoạt, điều chỉnh kịp thời và có nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời tháo gỡ khó khăn về lao động, về quy mô đàn heo, sử dụng tối ưu hóa nguồn vốn và cơ sở vật chất hiện có, mục tiêu chính là ưu tiên tất cả nguồn lực cho sự phát triển chăn nuôi của đơn vị.

Với mục tiêu chính trên. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cùng với toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực cố gắng vượt qua những khó khăn trong diễn biến bất lợi của dịch tả lợn Châu Phi để bảo vệ đàn heo, bảo toàn nguồn vốn và bên cạnh đó đơn vị phải đối mặt với nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt để thực hiện công tác quản trị điều hành chỉ đạo các cơ sở ổn định sản xuất trong năm 2020 tạo đà cho việc phát triển chăn nuôi bền vững cho những năm tiếp theo.

4. Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

Hội đồng quản trị hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, không hưởng lương chỉ hưởng thù lao tổng chi thù lao HĐQT và tiền lương trưởng ban kiểm soát trong năm 2020 như sau.

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2020
1	HĐQT	Tr. đ	233
2	BKS	Tr. đ	62
	Cộng thù lao		295
3	Tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát	Tr. đ	163

--	--	--	--

Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện đúng với NQ ĐHĐCĐ hàng năm, tiền lương của Trưởng ban kiểm soát được thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các văn bản pháp luật liên quan và phù hợp tình hình, đặc điểm thực tế của Công ty.

5. Dự kiến chia cổ tức năm 2020 cho các cổ đông.

Dự kiến chia cổ tức năm 2020 (từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2020 sau khi trích lập các quỹ theo quy định)

1. Dự kiến Chia cổ tức bằng 122,96 % /vốn điều lệ

. Tổng số tiền: **126.205.430.832 đồng** (sau khi trích lập các quỹ).

. Cổ tức chia cho mỗi CP (mệnh giá 12.296 đ): 10.000 đồng/CP

a) Trong tháng 12/2020 thực hiện nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 27/11/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 đã thống nhất mức tạm ứng cổ tức: 40%/vốn điều lệ; công ty thực hiện chi tạm ứng cổ tức 4.000đ/CP:

Số tiền: 41.055.768.000 đồng.

b) Dự kiến chi trả tiếp cổ tức năm 2020 bằng: 82,96%/vốn điều lệ:

mỗi cổ phần: 8.296đồng/CP

Số tiền: 85.149.662.832 đồng.

II. Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021.

Năm 2020, các tháng đầu năm có thuận lợi là giá bán heo hơi trên thị trường đã phục hồi và đứng ở mức cao. Tuy nhiên dự báo Công ty tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn thử thách đối với sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu tăng cao và không có dấu hiệu giảm và tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh nguy hiểm đối với con người. (Dịch Covid - 19) và dịch tả lợn Châu Phi sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường tiêu thụ sản phẩm, có thể dẫn đến giá bán sản phẩm chăn nuôi không ổn định và đang có dấu hiệu giảm, cộng với sự cạnh tranh gay gắt hơn của các nhà đầu tư chăn nuôi mới thuộc các tập đoàn trong nước, tập đoàn nước ngoài cạnh tranh trên thị trường diễn ra ngày càng khốc liệt.

Trong tình hình hiện nay, để giữ vững sản xuất, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, Hội đồng Quản trị xác định mục tiêu phấn đấu trong năm 2021 của Công ty như sau:

Căn cứ tình hình thực tế phải đối mặt với những khó khăn của đơn vị chăn nuôi., năm 2021 tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất sản xuất, chất lượng quản trị Công ty;

Chi đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Tập trung chỉ đạo phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những tồn tại, khó khăn trong thời gian qua để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021.

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Ban Điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty.

Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác SXKD năm 2021.

Căn cứ những dự đoán của thị trường, nhận thức trách nhiệm trước Cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, HĐQT đăng ký kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau:

Số TT	Các chỉ tiêu	Số tiền (triệu đồng)
1	Tổng Doanh thu	270.000
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	51.500
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	43.335
4	Nộp ngân sách	9.058
5	Chia cổ tức dự kiến	Từ 30%/ VDL trở lên

Mức chia cổ tức năm 2021 căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty HĐQT sẽ quyết định phù hợp với kết quả đạt được.

Để công ty thực hiện đạt các chỉ tiêu trên, HĐQT Công ty định hướng như sau:

1/ Hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục đầu tư thuộc lĩnh vực ngành nghề chính là phát triển chăn nuôi heo, tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Tiết kiệm chi tiêu và quản lý chặt chi phí trong sản xuất, đưa ra các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn heo và trên con người để giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tế SXKD của đơn vị.

2/ Công tác tài chính.

Phối hợp cùng Ban Kiểm soát công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính và thu hiệu quả cho đơn vị.

Công khai minh bạch hóa các hoạt động rõ ràng đúng quy định của pháp luật; chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, nâng cao hiệu quả của sử dụng đồng vốn và bảo toàn vốn trong SXKD của đơn vị.

3/ Thực hiện các biện pháp đầu tư phù hợp, hiệu quả

Rà soát các chi phí đầu tư trong sản xuất để lựa chọn mục tiêu đầu tư phục vụ chính cho sản xuất, đồng thời tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư, nhanh chóng đưa các công trình vào sử dụng được ngay cho SXKD để tạo lợi thế, hiệu quả kinh tế cho đơn vị.

Tăng cường tiếp cận các nhà đầu tư mới để mở hướng kinh doanh liên kết của ngành nghề chính trên cơ sở tính toán phải thực sự mang lại hiệu quả, đồng thời cân đối nguồn vốn, dòng tiền một cách hợp lý nhằm mục tiêu mang lợi ích tối đa cho các cổ đông.

Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và quy mô đàn heo của Công ty trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

4/Công tác nhân lực.

Để ổn định và phát triển lâu dài, HĐQT cùng Ban Giám đốc công ty thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, vận dụng các chế độ ưu đãi để thu hút lao động có tri tay nghề giỏi phục vụ lâu dài cho công ty.

5/ Thực hiện chủ trương thoái vốn Nhà nước tại Công ty.

Năm 2021, Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Công ty mẹ, nắm giữ 84,32% % vốn điều lệ) đang tiếp tục triển khai kế hoạch thoái toàn bộ vốn (thoái 100% vốn) tại Công ty Dolico.

Thưa các cổ đông, dự báo năm 2021 tiếp tục là một năm đầy gian nan và thách thức của ngành chăn nuôi heo, đây là một quy luật khắc nghiệt của ngành nghề và nền kinh tế đất nước trên con đường hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Vì vậy chúng ta không chủ quan mà cùng đồng tâm, hợp lực chủ động điều hành hoạt động SXKD của đơn vị vượt qua mọi khó khăn mới để phân đầu hoàn thành kế hoạch năm 2021.

Trên đây là báo cáo về kết quả quản trị và điều hành năm 2020 và kế hoạch trong năm 2021. Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến và thông qua các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2021 để HĐQT không ngừng nâng cao trách nhiệm, năng lực điều hành nhằm thực hiện tốt Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, góp phần xây dựng Dolico ngày càng phát triển.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến các Quý vị cổ đông đã tin tưởng và ủng hộ Dolico. Chúng tôi cam kết với trách nhiệm của mình thực hiện tốt nhất để đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty, đáp ứng sự tin tưởng của các cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chúc Quý vị đại biểu, các Quý cổ đông mạnh khỏe, thành công và hạnh phúc!

Trân trọng ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Hồng

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2021

“Dư thảo”

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai năm 2020

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai;

Căn cứ Quy chế và hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 260321.006/BCTC.HCM đã được Công ty TNHH hăng kiểm toán AASC xác nhận ngày 26 tháng 3 năm 2021.

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội tình hình hoạt động của BKS và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Nông sản Đồng Nai năm 2020 như sau:

Phần I

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp thông qua báo cáo kết quả kinh doanh các quý trong năm 2020, kế hoạch năm 2021 cùng một số nội dung khác để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thành công vào tháng 6/2020 và được Đại hội biểu quyết, thống nhất các nội dung trình bày trước Đại hội.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 thành công vào tháng 11/2020 và được Đại hội biểu quyết, thống nhất các nội dung trình bày trước Đại hội.

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2020;
- Thông qua tờ trình của HĐQT về việc điều chỉnh mức chi trả cổ tức bằng tiền và tạm ứng chi trả cổ tức năm 2020;
- Thực hiện chốt danh sách cổ đông đến ngày 16/7/2020 và mức chia cổ tức 17,1%/Vốn điều lệ cho các cổ đông góp vốn.
- Thực hiện chốt danh sách cổ đông đến ngày 11/12/2020 và mức chia tạm ứng cổ tức 40%/Vốn điều lệ cho các cổ đông góp vốn.
- Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ quý I đến quý IV năm 2020; HĐQT cùng BGD công ty thống nhất chủ trương:
- Tăng cường thực hiện triệt để các biện pháp an toàn sinh học, thực hiện nghiêm quy trình về phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc tại các cơ sở, các phòng ban thực hiện nghiêm quy trình sản xuất.
- Đầu tư nâng cấp sửa chữa chuồng heo, mua sắm tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Một số vấn đề khác trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp lấy ý kiến các thành viên và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Các quyết định của Ban Giám đốc đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời, phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty trong năm 2020.

Phần II KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	So sánh (%)	
					TH 2020/KH 2020	TH 2020/TH 2019
Sản lượng	Tấn	4.526	3.360	4.603	136,99%	101,70%
Tổng doanh thu	Tr.đ	199.688	219.180	355.594	162,24%	178,07%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	27.344	42.000	161.599	384,76%	590,99%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	17,1%	50%	122%	244%	713,4%

Năm 2020 ngành chăn nuôi heo còn phải đối mặt với nhiều thử thách do dịch tả lợn châu Phi lây lan rộng. Tuy nhiên, nhờ thực hiện các biện pháp phòng dịch kịp thời và hiệu quả, sản lượng thịt heo của Công ty sản xuất và tiêu thụ đạt đến 4.603 tấn, tăng 1,70% so với cùng kỳ năm 2019 và vượt 36,99% so với kế hoạch đề ra ban đầu. Đồng thời, trong các tháng đầu năm 2020, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp làm nguồn cung thịt lợn bị hạn chế và không đủ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, do đó giá thịt lợn tăng cao, nhờ vậy doanh thu Công ty đã đạt 355,59 tỷ đồng, tương đương 162,24% kế hoạch đề ra và tăng 78,07% so với cùng kỳ năm 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 161,60 tỷ đồng, vượt 384,76% mục tiêu đề ra và gấp gần 6 lần so với lợi nhuận trước thuế cùng kỳ năm 2019.

2. Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu từ hoạt động chính	194.549	97,43%	347.266	97,66%
Doanh thu từ heo giống	-	-	427	0,12%
Doanh thu từ heo thịt	194.549	97,43%	346.839	97,54%
Doanh thu từ hoạt động tài chính	5.139	2,57%	8.329	2,34%
Tổng cộng	199.688	100%	355.595	100%

Cơ cấu doanh thu của Công ty không có sự thay đổi nhiều so với năm 2019, tuy nhiên giá trị doanh thu có sự thay đổi rõ rệt. Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh heo thịt. Cụ thể, doanh thu từ heo thịt năm 2020 đạt 346,84 tỷ đồng, chiếm 97,54% trong tổng doanh thu và tăng đến 78,28% so với cùng kỳ năm 2019 nhờ công tác phòng chống dịch bệnh của Công ty đạt hiệu quả và sự chênh lệch cung cầu làm giá thịt lợn tăng cao.

Hoạt động tài chính mang lại doanh thu 8,33 tỷ đồng, chiếm 2,34% trong tổng doanh thu và tăng đến 62,05% so với cùng kỳ năm 2019 nhờ các khoản lãi tiền gửi ngân hàng mà Công ty nhận được khi hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả đẩy các khoản tiền gửi ngân hàng với lãi suất 3,70% - 5,50%/năm tăng cao và đạt 143,00 tỷ đồng, tương đương tăng đến 138,33% so với năm 2019. Bên cạnh đó, Công ty còn có hoạt động kinh doanh heo giống và đạt doanh thu 427,00 triệu đồng, tương đương 0,12% tổng doanh thu.

3. Cơ cấu lợi nhuận sau thuế

Khoản mục	2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận từ hoạt động chính	19.002	82,61%	130.173	95,14%
Lợi nhuận từ heo giống	-	-	100	0,07%
Lợi nhuận từ heo thịt	19.002	82,61%	130.073	95,07%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	4.000	17,39%	6.663	4,86%
Lợi nhuận khác	-	-	(9,1)	-
Tổng cộng	23.002	100%	136.827	100%

Lợi nhuận của Công ty phần lớn từ hoạt động sản xuất kinh doanh heo thịt. Tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động chính có sự tăng trưởng rõ rệt khi lợi nhuận từ heo thịt tăng từ 82,61% lên 95,14%. hoạt động tài chính 4,86%, nộp ngân sách: 26,092 tỷ đồng (Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ NSNN trong quý I năm 2021).

Phần III TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	137.491	63,94	217.828	74,87
Tài sản dài hạn	77.541	36,06	73.123	25,13
Tổng tài sản	226.529	100	290.951	100

Cơ cấu tài sản của Công ty có sự thay đổi đáng kể trong năm 2020, tổng tài sản đạt 290,95 tỷ đồng, tăng 28,44%. Tài sản ngắn hạn đạt mức 217,83 tỷ đồng, tương đương tăng 58,43% so với cùng kỳ năm 2019 và chiếm tỷ trọng 74,87% trong tổng tài sản (tăng 10,93% trong cơ cấu tài sản). Mức tăng trong tài sản ngắn hạn chủ yếu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền Công ty thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và gửi ngân hàng với thời hạn 6 tháng ở mức lãi suất 3,70%-5,50%. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn lại giảm 4,42 tỷ so với năm 2019, còn 73,12 tỷ đồng, tương đương giảm 5,70% và chiếm 25,13% trong tổng tài sản Công ty.

Mức giảm chủ yếu là do các khoản giảm trừ hao mòn lũy kế trong tài sản cố định hữu hình.

2. TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Khoản mục	2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ phải trả	25.960	12,07	30.133	10,36
Vốn chủ sở hữu	189.072	87,93	260.817	89,64
Tổng nguồn vốn	215.032	100	290.950	100

Tổng nguồn vốn trong năm 2020 đạt mức 290,95 tỷ đồng, tương đương tăng 35,31% so với cùng kỳ.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 18/06/2020, Công ty thống nhất trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các Cổ đông số tiền: 23,682 tỷ đồng, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 27/11/2020, Công ty quyết định tạm chia cổ tức bằng tiền năm 2020 với tỷ lệ là 40%/vốn điều lệ với số tiền là: 41,055 tỷ đồng

3. TÌNH HÌNH NỢ:

- Nợ phải thu:

Tổng nợ phải thu ngắn hạn là 4,28 tỷ đồng, tăng 771 triệu đồng, tương đương 21,95% so với cùng kỳ năm trước. chủ yếu là ghi nhận doanh thu tiền lãi ngân hàng theo chuẩn mực kế toán.

Công ty quản lý công nợ phải thu tốt, với những chính sách thu hồi nợ chặt chẽ.

- Nợ phải trả:

Nợ phải trả là 30,13 tỷ đồng, tăng 16,07 do các khoản phải trả cho người lao động tăng lên khi kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được kết quả cao so với năm trước và kế hoạch đề ra. Vốn chủ sở hữu tăng đến 37,95%, đạt 260,82 tỷ đồng nhờ kết quả kinh doanh trong năm đạt hiệu quả. Các khoản phải trả khách hàng được theo dõi và tính toán cân đối dòng tiền để đảm bảo việc thanh toán.

4. HÀNG TỒN KHO:

Chỉ tiêu	Năm nay (tr.đ)	%	Năm trước	%	Tăng/ giảm	
					Mức	%
Nguyên liệu	5.689,11	11,63 %	3.719,45	8,67%	1.969,66	52,96
CP SXKD DD	43.225,76	88,37 %	39.194,46	90,31 %	4.031,30	10,29
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-		
Tổng	48.914,9	100%	42.913,9	100%	6.000,96	13,98

Số dư hàng tồn kho cuối năm là 48,91 tỷ đồng, gồm chi phí sản xuất dở dang là 43,225 tỷ và nguyên vật liệu là 5,689 tỷ. Hàng tồn kho chủ yếu là đàn heo, thuốc thú y và nguyên liệu trong chăn nuôi.

Công ty thực hiện theo dõi hàng hóa chi tiết theo từng loại mặt hàng, quản lý kho nguyên liệu tốt, cuối quý và cuối năm công ty thực hiện kiểm kê tài sản, hàng hóa, nguyên vật liệu theo đúng quy định.

Phần IV

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

I. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH:

Giá trị tài sản cố định đến 31/12/2020: 52,869 tỷ đồng giảm 8,518 tỷ, tương ứng giảm 13,88%,

- Tăng trong năm là 1,364 tỷ đồng gồm:
- + Trong năm có phát sinh mua sắm 01 xe tải Hino 60H 00030 phục vụ sản xuất kinh doanh với số tiền là: 837.300.000 đồng.
- + Mua sắm vật tư thiết yếu phục vụ tại các cơ sở sản xuất của đơn vị.
- + Công ty theo dõi, quản lý TSCĐ đúng với quy định Nhà nước.

II. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

1. Đầu tư tài chính ngắn hạn:

Giá trị sổ sách đến 31/12/2020 là: 143 tỷ đồng. Là đầu tư tài chính ngắn hạn, công ty đầu tư gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có ưu tín, đa số kỳ hạn 06 tháng với lãi suất ưu đãi tại các ngân hàng: Agribank, Vietcombank, Sacombank, BIDV, Vietinbank và HDBank

2. Đầu tư tài chính dài hạn: 880 triệu đồng gồm:

- Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai: 880 triệu đồng trích dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 150 triệu. *(Kiểm toán Chi nhánh Cty TNHH Hằng kiểm toán AASC áp dụng theo Thông tư 48/2019/TT-BTC)*

Phần V

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, LAO ĐỘNG VÀ NGHĨA VỤ NSNN

I. TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG:

Chỉ tiêu	Năm nay (CP)			Năm trước (CP)			Tăng/ giảm CP	
	Số cổ đông	Số cổ phần	%	Số cổ đông	Số cổ phần	%	Mức	%
Nhà nước	1	8.654.142	84,32%	1	8.654.142	84,32%	0	0,00%
Người lao động Cty	64	327.700	3,19%	64	327.700	3,19%	0	0,00%
Bên ngoài	35	1.282.100	12,49%	36	1.282.100	12,49%	0	0,00%
Tổng	100	10.263.942	100,0%	101	10.263.942	100,0%		

Năm 2020, tình hình cổ đông có biến động về số lượng và không có biến động về cổ phần sở hữu: Nhà nước sở hữu 8.654.142 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 84,32%; cổ đông Cán bộ công nhân viên Công ty 64 cổ đông, sở hữu 327.700 cổ phần, chiếm 3,19% và cổ đông bên ngoài 35 cổ đông, sở hữu 1.282.100 cổ phần, chiếm 12,49%.

II. TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG:

Tổng số lao động bình quân năm 2020 là 123 người, tăng 2,5% so với năm trước và đạt 97,6% so với kế hoạch. Trong đó, số lao động tại thời điểm 31/12/2020 là 127 người (04 người quản lý), số lao động có thời hạn và không xác định thời hạn là 122 người, số còn lại 05 người là lao động ký hợp đồng từ 01 tháng đến dưới 1 năm.

Thu nhập bình quân 14,5 triệu đồng/người/tháng, tăng 4,0 triệu đồng/người/tháng so với năm 2019.

Công ty thực hiện đúng chế độ Luật lao động, thu nhập cho người lao động được nâng cao và ổn định.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH

Trong năm 2020 Công ty đã thực nộp Ngân sách Nhà nước là 26,092 tỷ đồng. Các khoản thuế phát sinh nộp ngân sách Nhà nước năm 2020 Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ trong quý I năm 2021.

Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước.

Phần VI:

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

1. Công tác đã thực hiện năm 2020

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp định kỳ, đồng thời thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác năm. Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020. Hoạt động của HĐQT đã tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan, Ban Giám đốc đã và đang triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

Các khoản thu nhập từ lương và thù lao trong năm 2020 của Ban kiểm soát phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2020 và theo hướng dẫn tại thông tư 28/2016-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trong năm, số tiền thực nhận chi tiết như sau:

Họ tên	Chức vụ	Lương năm 2020 (VND)	Thù lao (VND)
Hoàng Ngọc Long	Trưởng BKS	163.404.637	
Trần Thị Vũ Hậu	Thành viên BKS		31.000.000
Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS		31.000.000
Tổng		163.404.637	62.000.000

2. Kế hoạch hoạt động trong năm 2021

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động như sau:

+ Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính và việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- + Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.
- + Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty.

Phần VII

KIẾN NGHỊ

Năm 2021, trước tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, tình hình dịch bệnh phức tạp, kết quả đạt được của Công ty thể hiện sự cố gắng rất lớn của tập thể Ban lãnh đạo và người lao động trong Công ty. Công ty ngày càng phát triển lợi nhuận cao bảo toàn được nguồn vốn, mang lại hiệu quả cao cho các cổ đông, ổn định tăng nhập cho người lao động, từ đó đã phát huy được tinh thần đoàn kết, an tâm công tác cùng đồng cam chịu khổ vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay của đơn vị. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty không ngừng phát triển, sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của hoạt động chăn nuôi heo tăng trưởng cao và đi vào ổn định có hướng phát triển tốt. Các công trình đầu tư xây dựng chuồng trại sử dụng phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty hiện tại nên đã mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh,

- Ban Giám đốc công ty năng động luôn chủ động ứng phó kịp thời phòng chống dịch tả heo Châu Phi và diễn biến phức tạp của thị trường đề ra những giải pháp sát thực từ đó ổn định sản xuất, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị trong thời gian qua.

Để đảm bảo hoạt động Công ty được tăng trưởng và thực hiện tốt kế hoạch, chiến lược kinh doanh trong thời gian tới, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:

1. Công ty tiếp tục phát huy những lợi thế về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực đã cống hiến gắn bó tâm huyết lâu dài với Công ty, người lao động cần cù, chịu khó có kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm xây dựng thương hiệu đủ sức cạnh tranh trong giai đoạn hội nhập hiện nay.

2. Công ty tăng cường đầu tư công tác kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm tạo ra những sản phẩm có năng suất chất lượng cao hơn, giá thành thấp từ đó xây dựng thương hiệu heo Dolico ngày càng được mở rộng giúp cho Công ty phát triển bền vững trong thời gian tới.

3. Đề nghị Ban giám đốc có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng nhân sự để đảm bảo sản xuất, đồng thời để chuẩn bị đội ngũ kế cận trong thời gian tới.

Trên đây là toàn bộ ý kiến, nhận xét, đánh giá trong quá trình kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát kính trình trước ĐHĐCĐ, rất mong nhận được sự tham gia góp ý của quý cổ đông, nhằm giúp chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong niên độ sau.

Kính chúc quý vị Đại biểu và toàn thể Cổ đông sức khỏe!

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Trình ĐHĐ cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Lưu BKS Công ty

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

Hoàng Ngọc Long

Số: /TTr-ĐHĐCĐ-NSS
“Dự thảo”

Đồng Nai, ngày 8 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/V BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai;

HDQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán ngày 26/3/2021 (bản tóm tắt được đính kèm Tài liệu Đại hội).

Toàn văn Báo cáo tài chính Kiểm toán năm 2020 được đăng tải tại website Công ty: <https://dolicovn.com/>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đinh Văn Hồng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		217.827.557.735	137.490.973.722
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	21.594.703.345	30.997.844.027
111	1. Tiền		2.594.703.345	1.497.844.027
112	2. Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	29.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	143.000.000.000	60.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		143.000.000.000	60.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.317.990.239	3.579.228.487
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	188.492.500	216.821.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		30.000.000	63.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	4.099.497.739	3.299.407.487
140	IV. Hàng tồn kho	07	48.914.864.151	42.913.901.208
141	1. Hàng tồn kho		48.914.864.151	42.913.901.208
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		73.123.126.499	77.540.830.866
220	II. Tài sản cố định		52.868.577.022	61.386.398.893
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	41.188.766.367	49.004.920.315
222	- Nguyên giá		110.039.709.719	108.675.409.719
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(68.850.943.352)	(59.670.489.404)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	11.679.810.655	12.381.478.578
228	- Nguyên giá		15.019.256.267	15.019.256.267
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.339.445.612)	(2.637.777.689)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	08	315.579.556	315.579.556
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		315.579.556	315.579.556
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	880.000.000	880.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.030.000.000	1.030.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(150.000.000)	(150.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		19.058.969.921	14.958.852.417
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	19.058.969.921	14.958.852.417
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		290.950.684.234	215.031.804.588

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		30.133.481.802	25.960.164.255
310	I. Nợ ngắn hạn		30.133.481.802	25.744.164.255
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	928.030.152	3.186.839.644
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	15.669.050
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.638.388.451	4.396.697.806
314	4. Phải trả người lao động		10.860.558.072	6.755.988.971
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	6.724.752.163	5.444.610.514
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.981.752.964	5.944.358.270
330	II. Nợ dài hạn		-	216.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	-	216.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		260.817.202.432	189.071.640.333
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	259.977.202.432	188.021.640.333
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102.639.420.000	102.639.420.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		102.639.420.000	102.639.420.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		61.726.444.013	61.699.975.012
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		95.611.338.419	23.682.245.321
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	819.000.000
421b	LNST chưa phân phối năm nay		95.611.338.419	22.863.245.321
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		840.000.000	1.050.000.000
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		840.000.000	1.050.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		290.950.684.234	215.031.804.588


Phan Thị Hiền Nhi
Người lập


Đinh Ngọc Mến
Kế toán trưởng




Nguyễn Diên Tường
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	347.266.754.650	194.548.892.550
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		347.266.754.650	194.548.892.550
11	4. Giá vốn hàng bán	18	186.917.429.254	166.903.306.383
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.349.325.396	27.645.586.167
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	8.328.863.868	5.139.370.236
22	7. Chi phí tài chính		24.718	150.420.055
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	39.845.000	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	7.030.143.531	5.289.696.545
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		161.608.176.015	27.344.839.803
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	22	9.100.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		(9.100.000)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		161.599.076.015	27.344.839.803
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	24.771.969.596	4.342.794.482
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>136.827.106.419</u>	<u>23.002.045.321</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	13.331	1.633

nhu

Phan Thị Hiền Nhi
Người lập

Minh

Đinh Ngọc Mến
Kế toán trưởng



Nguyễn Diên Tường
Giám đốc


Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2021


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		161.599.076.015	27.344.839.803
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.882.121.871	9.805.561.996
03	- Các khoản dự phòng		-	150.000.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(513.607)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.328.350.261)	(5.139.370.236)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		163.152.334.018	32.161.031.563
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		28.168.840	1.203.570.276
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.000.962.943)	288.696.555
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.465.747.739	6.406.434.375
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.100.117.504)	551.507.623
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.842.794.482)	(3.792.132.659)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.920.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.448.960.806)	(5.532.468.215)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		125.265.334.862	31.286.639.518
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.364.300.000)	(5.816.169.028)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(294.500.000.000)	(217.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		211.500.000.000	223.300.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.561.419.669	5.139.370.236
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(76.802.880.331)	5.123.201.208
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(57.866.108.820)	(35.923.797.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(57.866.108.820)	(35.923.797.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.403.654.289)	486.043.726
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		30.997.844.027	30.511.800.301
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		513.607	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	21.594.703.345	30.997.844.027


Phan Thị Hiền Nhi
Người lập


Đinh Ngọc Mến
Kế toán trưởng


Nguyễn Diên Tường
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2021



Số: /TTr-ĐHĐCĐ-NSS

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch SXKD năm 2021

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Nông Súc Sản Đồng Nai;
Căn cứ tình hình thực tế của Công ty;
Hội đồng quản trị Công ty CP Nông Súc Sản Đồng Nai, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua về kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2021
1.	Sản lượng (heo thịt)	Tấn	4.200
2.	Tổng Doanh thu	Tr.đ	270.000
3.	Tổng Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	51.000
4.	Tổng Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	43.335
5.	Các khoản phát sinh nộp NSNN	Tr.đ	9.058
6.	Dự kiến chia cổ tức	%	30%/VĐL trở lên

Kính trình Đại hội xem xét cho ý kiến và cho ý kiến biểu quyết.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đinh Văn Hồng

Số: /TTr - ĐHĐCĐ-NSS

Đồng Nai, ngày 08 tháng 6 năm 2021

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Hội đồng quản trị Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai đã rà soát, dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, và thống nhất ban hành mới các Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai với mục đích phù hợp với các nội dung được quy định mới của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan nhằm thống nhất các quy định trong hệ thống văn bản nội bộ của công ty gồm nội dung chính như sau;

1. Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai
2. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai
3. Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các dự thảo quy chế trên (Phụ lục chi tiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ và nội dung dự thảo Quy chế kèm theo sau).

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BGĐ;
- BKS;
- Lưu VT,

Đinh Văn Hồng

Số: /TTr - ĐHĐCĐ-NSS

Đồng Nai, ngày 08 tháng 6 năm 2021

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai;

Ban Kiểm soát đã xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo mẫu Quy chế được quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và Điều lệ Công ty (đính kèm Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua./.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BGĐ;
- BKS;
- Lưu VT,

Hoàng Ngọc Long

PHỤ LỤC
MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

STT	ĐIỀU LỆ NĂM 2016	ĐIỀU LỆ NĂM 2021	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Phần mở đầu	Phần mở đầu	
	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.	
2		Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Theo Điều 4 LDN 2020, Điều 4 LCK 2019, Điều 3 ND 155
3	Điều 1. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng và thời hạn hoạt động của công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	
	1. Tên của công ty: - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI - Tên tiếng Anh: DONG NAI AGRICULTURAL LIVESTOCK PRODUCT JOINT STOCK COMPANY. - Tên viết tắt: DOLICO	1. Tên Công ty - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG NAI AGRICULTURAL LIVESTOCK PRODUCT JOINT STOCK COMPANY. - Tên Công ty viết tắt: DOLICO	
	2. Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm hữu hạn.	2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.	
	3. Trụ sở đăng ký của công ty - Địa chỉ: 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa - Đồng Nai - Điện thoại: (061) 3899790 - Fax: (061) 3899102 - Email: dolicomail@dolicovn.com . - Website: www.dolicovn.com Công ty có các đơn vị trực thuộc: - Trại heo giống Vĩnh Cửu Địa chỉ: Ấp 1, Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu - Đồng Nai	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: 238, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam - Điện thoại: (0251) 3899790 - Fax: (0251) 3899102 - E-mail: dolicomail@dolicovn.com - Website: www.dolicovn.com	

	<p>Điện thoại: (061)3865046 Điện thoại: (061) 3865450 - Trại heo Dolico Tân An Địa chỉ: Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu - Đồng Nai. Điện thoại : (061) 3927167 - Xưởng chế biến thực phẩm Địa chỉ: 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa - Đồng Nai. Điện thoại: (061) 3899790 - Trại heo Dolico Suối Cao Địa chỉ: Ấp Phụng Vỹ, xã Suối Cao - huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai - Trại heo Dolico Xuân Thành Địa chỉ: ấp Tân Hợp, xã Xuân Thành - huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai</p>		
	5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.	4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	
	6. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày thành lập .	
4		Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	
	4. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty.	Điều 12 LDN 2020
		Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 12 LDN 2020

		<p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.</p> <p>Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.</p> <p>Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.</p>	
5	Điều 2. Mục tiêu và Ngành nghề kinh doanh của Công ty	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	
	<p>1. Mục tiêu của Công ty:</p> <p>Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với đối với Nhà nước.</p>	<p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với đối với Nhà nước.</p>	
	<p>2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <p>a. Sản xuất gia súc giống, gia súc thịt cung cấp cho thị trường.</p> <p>b. Dịch vụ thụ tinh nhân tạo gia súc và khuyến nông chăn nuôi.</p> <p>c. Tổ chức giết mổ gia súc, gia cầm và chế biến thực phẩm.</p> <p>d. Chế biến kinh doanh nông sản</p> <p>đ. Sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc</p> <p>e. Đầu tư tài chính, góp vốn Liên doanh.</p> <p>f. Xuất nhập khẩu:</p> <p>g. Kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp (kể cả xăng, dầu, nhớt)</p> <p>h. Xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho.</p>	<p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là</p> <p>- Chăn nuôi lợn Chi tiết: Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo (0145 – Chính)</p> <p>- Chăn nuôi gia cầm (0146) Chi tiết: Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm</p> <p>- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (0162) Chi tiết: Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi</p> <p>- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (4620)</p>	

<p>i. Mua bán xe gắn máy, xe ô tô (Du lịch, xe tải) j. Vận tải hàng hóa đường bộ. k. Trồng rừng và chăm sóc rừng</p>		<p>Chi tiết: Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trù hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến</p> <p>- Bán buôn thực phẩm (4632)</p> <p>Chi tiết: Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt</p> <p>- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (1010)</p> <p>Chi tiết: Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt</p> <p>- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (1080)</p> <p>Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc</p> <p>- Chế biến và bảo quản rau quả (1030)</p> <p>Chi tiết: Chế biến rau, củ, quả</p> <p>- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (4730)</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ xăng, dầu, dầu, nhớt (theo quy hoạch của tỉnh)</p> <p>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (4653)</p> <p>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi.</p> <p>- Xây dựng nhà các loại (4100)</p> <p>Chi tiết: Xây dựng địa ốc.</p> <p>- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290)</p> <p>Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng</p> <p>- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810)</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho</p> <p>- Bán mô tô, xe máy (4541)</p> <p>Chi tiết: Bán buôn xe gắn máy</p> <p>- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (4511)</p> <p>Chi tiết: Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải)</p> <p>- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (4512)</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải)</p>	
--	--	--	--

		- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933) - Trồng rừng và chăm sóc rừng (0210)	
6		Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty <i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Điều 7,8 LDN 2020
7	Điều 4. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 7.Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
	2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là: 102.639.420.000 VNĐ Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 10.263.942 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Công ty chỉ có thể tăng Vốn Điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	1. Vốn điều lệ của Công ty là 102.639.420.000 đồng (Một trăm lẻ hai tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.263.942 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	
	1. Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ.	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này. 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.	
	3. Cổ đông sáng lập của công ty là những cổ đông có đủ các điều kiện sau: - Tham gia thông qua điều lệ lần đầu - Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. - Sở hữu số lượng cổ phần tối thiểu là 2% vốn điều lệ. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục I là một phần của Điều lệ này.		
	Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, các cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện tại của Công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ đang nắm giữ. Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ	5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600267730, đăng ký lần đầu ngày ngày 29/08/2005. Căn cứ theo quy định Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ	Khoản 3 Điều 124 LDN 2020

<p>thông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng trên báo trong ba số liên tiếp thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. - Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua, họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký do Công ty phát hành. - Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. - Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán. - Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua qui định tại Khoản 2 Điều 121 của Luật DN được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó, người mua trở thành cổ đông của Công ty. 	<p>đồng sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	
--	--	--

	<p>- Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp được qui định tại Khoản 3 Điều 116 và Điều 119 của Luật DN. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông..</p> <p>- Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p> <p>- Điều kiện, phương thức chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>Chính phủ ra qui định hướng dẫn việc chào bán cổ phần riêng lẻ.</p>		
	5. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình theo những hình thức quy định tại Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ phần mua lại được giữ lại làm Cổ phiếu ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo các hình thức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	Điều 132 LDN 2020
	6. Công ty có thể phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong đó trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo những điều kiện nhất định; quyền mua cổ phiếu là quyền dành cho các cổ đông hiện tại của Công ty được mua một lượng cổ phần trong đợt phát hành cổ phiếu phổ thông mới tương ứng với tỷ lệ nắm giữ cổ phần hiện có của họ.	8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	
8	Điều 5. Cổ phiếu	Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	
	1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một Giấy chứng nhận sở hữu số lượng cổ phần của cổ đông góp vốn trong công ty được gọi là Cổ phiếu.	1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	Điều 4 LCK 2019

	<p>2. Cổ phiếu của Công ty phát hành gồm hai loại : Cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu không ghi danh.</p> <p>a) Cổ phiếu ghi danh bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu cổ đông Nhà nước; - Cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị ; - Cổ phiếu của Kiểm soát viên ; <p>b) Cổ phiếu không ghi danh:</p> <p>Cổ phiếu không ghi danh là cổ phiếu không thuộc các đối tượng nêu trên.</p>		
		2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	
	4. Sau khi mua cổ phần và được ghi tên trong danh sách cổ đông của Công ty, cổ đông sẽ được cấp miễn phí một Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.	3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	
	5. Số lượng cổ phần mua hay bán sẽ được bộ phận quản lý Sổ cổ đông ghi tăng giảm trên Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.		
	6. Nếu Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị rách, hư hỏng, nhòe, mờ ... thì cổ đông sẽ được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:	Khoản 3 Điều 121 LDN 2020
		<p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	
9		Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	
	3. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của Giám đốc công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải thể hiện họ	Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	

	<p>tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định.</p> <p>- Mọi chứng chỉ cổ phiếu sở hữu cổ phần được phát hành phải có đóng dấu công ty, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty và các nội dung khác theo quy định tại Điều 86 Luật doanh nghiệp.</p>		
10	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	
	<p>1. Việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.</p> <p>6. Khi công ty tham gia vào thị trường chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
		<p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	
	<p>2. Trong vòng ba năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông của công ty cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.</p>		
	<p>3. Cổ phiếu ghi danh của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không được chuyển nhượng trong thời gian các thành viên này đương nhiệm. Trường hợp đặc biệt thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể chuyển nhượng khi có sự đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị.</p>		
	<p>4. Cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng, thừa kế.</p>		
	<p>5. Trong trường hợp một cổ đông chết, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của cổ đông đó :</p> <p>- Người thừa kế duy nhất theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Nếu có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì những người</p>		

	này phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.		
11		Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Điều 113 LDN 2020
12	Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	
	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng Quản trị; c. Giám đốc; d. Ban kiểm soát.	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. 3. Giám đốc.	
13	Điều 7. Quyền hạn của cổ đông	Điều 13. Quyền của cổ đông	
	1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo số tiền mệnh giá của các cổ phần mà cổ đông nắm giữ.		
	2. Cổ đông công ty có các quyền sau: a. Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên; b. Được chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của điều lệ công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật; c. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới phát hành tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang sở hữu; - Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác (Điểm c, Khoản 2, Điều 124 Luật Doanh nghiệp hiện hành) d. Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu 1% vốn điều lệ thì đương nhiên được tham dự đại hội cổ đông và được thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên	Điều 115 LDN 2020

	<p>cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Trong trường hợp công ty bị giải thể, được nhận tài sản của công ty tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu, nhưng chỉ sau khi công ty thanh toán hết các khoản nợ .</p> <p>g. Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 129 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.</p> <p>h. Các quyền khác quy định của điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	<p>3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên có thêm các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 114 Luật Doanh nghiệp hiện hành</p> <p>c. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với</p>	Điều 115 LDN 2020

	<p>từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ công ty.</p>	<p>cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại được đề cử theo quy định tại điều 25, điều 37 điều lệ này</p>	
14	Điều 8. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông	
	<p>Các cổ đông có các nghĩa vụ sau :</p> <p>2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp.</p>	<p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p>	Điều 119 LDN 2020
		2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công	

		ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	
	1. Tuân thủ điều lệ công ty và các quy chế, các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	
	3. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của công ty.	5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Điều 119 LDN 2020
		6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định quy định pháp luật.	Điều 119 LDN 2020
		7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a) Vi phạm pháp luật; b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.	

15	Điều 11. Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	
	<p>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. các cổ đông có đủ điều kiện quy định tại mục d khoản 2 điều 7 có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên :</p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và khoảng cách thời gian tối đa giữa kỳ Đại hội thường niên là 15 tháng. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>b. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại địa điểm do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội có thể mời một Công ty kiểm toán độc lập tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua báo cáo tài chính hàng năm nếu cần thiết.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	Điều 138, 139 LDN 2020
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông bất thường :</p> <p>Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Có 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị trở lên xét thấy cần thiết phải triệu tập Đại hội Cổ đông vì lợi ích của Công ty.</p> <p>b. Báo cáo tài chính trong năm, quý hoặc 6 tháng cho thấy 20% số vốn Điều lệ bị mất;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu là 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục tối thiểu là 6 tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	Khoản 1 Điều 140 LDN 2020

	<p>bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đầy đủ chữ ký các cổ đông liên quan;</p> <p>e. Có 2/3 số Kiểm soát viên trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội vì lý do các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hiện hành hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	<p>c) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	<p>3. Trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm 2.d hoặc 2.e trên đây;</p> <p>b. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội cổ đông trong trường hợp trên, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập Đại hội;</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội, những cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại phần 2.d của điều này có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Tất cả các chi phí triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Những phí tổn này không bao gồm những chi phí do các cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	Khoản 4 Điều 160 DN 2020
16	Điều 12. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	
	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:	Khoản 2 Điều 138

<p>làm Giám đốc;</p> <p>l. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Các trường hợp cổ đông không được biểu quyết</p> <p>a. Cổ đông không được biểu quyết thông qua các hợp đồng quy định tại mục 1 khoản 1 điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan là một bên của hợp đồng đó;</p> <p>b. Cổ đông không được biểu quyết để thông qua việc mua cổ phần của chính mình hoặc người có liên quan;</p>	<p>thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Phê duyệt/Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
---	--	--

17		Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (Bổ sung mới phù hợp với quy định)	Điều 144 LDN 2020
18		Điều 18. Thay đổi các quyền (Bổ sung mới phù hợp với quy định)	Điều 148 LDN 2020
19	Điều 13. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
	1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại mục b và c khoản 3 điều 11 của điều lệ này;	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.	Điều 141 LDN 2020
	2. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; f. Xác định thời gian và địa điểm họp; g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này; h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g) Các công việc khác phục vụ đại hội.	
	3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội	Điều 143 LDN 2020

	<p>điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông;</p> <p>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. 	<p>đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c) Phiếu biểu quyết/bầu cử; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	
	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian ít nhất 6 tháng liên tục có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho cấp triệu tập ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình Đại hội;</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Điều 142 LDN 2020
	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít 	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này; b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 	

	nhất sáu tháng; c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.	Điều 13 Điều lệ này; c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
	6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết trong chương trình Đại hội	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Điều 142 LDN 2020
20	Điều 14. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
	1. Đại hội đồng cổ đông chỉ có thể tiến hành khi có đủ cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự nắm giữ ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ số lượng Đại biểu cần thiết trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày. 2. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần 2 phải có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự nắm giữ ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu Đại hội lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại lần thứ 3 trong vòng 20 ngày. 3. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Điều 145 LDN 2020
21		Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
	4. Tại Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ	Điều 146 LDN 2020

	<p>5. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết khi làm thủ tục đăng ký cổ đông sẽ được cấp 01 thẻ biểu quyết, trên đó có ghi tên, mã số cổ đông và số cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện bằng thẻ biểu quyết. Đại hội sẽ bầu ban kiểm phiếu để xác định kết quả biểu quyết.</p> <p>6. Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông muộn vẫn có quyền đăng ký, có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để các cổ đông này đăng ký và hiệu lực các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng</p>	<p>đồng có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.</p>	
	<p>8. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, nếu chủ tịch vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì Đại hội. Trường hợp cả hai đều vắng mặt, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ quản lý cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu cử ra chủ tọa đại hội, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc chủ tọa được bầu của đại hội đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu cử chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và tỷ lệ phiếu bầu theo cổ phần cho chủ tọa phải được công bố.</p>	<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa/Hội đồng quản trị cử một hoặc một số người làm thư ký</p>	<p>Điều 146 LDN 2020</p>

		cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp; d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.	
		3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	
		4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	Điều 146 LDN 2020
		5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây: a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 146 LDN 2020
	7. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn một Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng: a. Những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp. b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến	6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc	Điều 146 LDN 2020

	hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, theo yêu cầu của đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu cần thiết, chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội.	hợp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.	
		7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	
		8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Điều 146 LDN 2020
22	Điều 15. Thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	
	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản.		
	2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, thì thực hiện theo quy định sau đây: a. Các nghị quyết sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận - Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại - Quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ; - Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty; - Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; e) Tổ chức lại, giải thể Công ty; f) Gia hạn hoạt động công ty. 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành ,	Điều 148 LDN 2020

	gần nhất của công ty; b. Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.	trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	
		Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị / Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị / Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.	Điều 148 LDN 2020
		3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Điều 148 LDN 2020
23		Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
	5. Các quy định khác về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 145 của Luật Doanh nghiệp hiện hành	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau: a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; c) Định hướng phát triển công ty; d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn	Điều 149 LDN 2020

		<p>35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm</p> <p>h) Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	
	<p>4. Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì Hội đồng quản trị phải làm các công việc sau đây</p> <p>a. Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.</p> <p>b. Trong phiếu lấy ý kiến phải thể hiện: nội dung lấy ý kiến, tên, địa chỉ trụ sở công ty, mục đích lấy ý kiến, vấn đề cần lấy ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm, thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về công ty, phương án biểu quyết " nhất trí ", "không nhất trí", " không có ý kiến".</p> <p>c. Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông..</p> <p>d. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến của họ về công ty.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	Điều 149 LDN 2020
		<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc</p>	Điều 149 LDN 2020

		<p>người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	
		<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);</p> <p>e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	
	3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ	Điều 149 LDN 2020

	diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.	đồng.	
		7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Điều 149 LDN 2020
24		Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
		1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d) Họ, tên chủ tọa và thư ký; e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có); i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Điều 150 LDN 2020
	9. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua tại Đại hội và lưu tại Công ty. Các biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản được lập bằng tiếng Việt theo	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm	Điều 150 LDN 2020

	<p>quy định của Luật doanh nghiệp và được chủ tọa Đại hội và thư ký ký xác nhận. Các báo cáo tại Đại hội, biên bản Đại hội, sổ đăng ký cổ đông và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty. (điều 14)</p>	<p>về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	
25		Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Điều 151 LDN 2020
26		Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
		<p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>e) d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>f) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>g) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà</p>	Điều 274 NĐ 155

		ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; Nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử 02 ứng cử viên; Nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử 03 ứng cử viên; Nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử 04 ứng cử viên và nắm giữ từ 60% trở lên được đề cử 05 ứng cử viên. (điều 16)	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.	Điều 274 ND 155
		3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	Điều 274 ND 155
	2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị : a. Là cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 2% vốn điều lệ Công ty; b. Cổ đông có năng lực, kinh nghiệm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và ưu tiên có trình độ học vấn từ đại học trở lên; c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan và độc lập, có ý thức chấp hành luật pháp; d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều 151 (Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị) của Luật Doanh nghiệp hiện hành. (điều 16)	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	

27	Điều 16. Thành phần và nhiệm kỳ của hội đồng quản trị	Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
	1. Hội đồng quản trị có 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên đại diện phần vốn góp của nhà nước và 2 thành viên đại diện cho phần vốn góp của các cổ đông khác. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Điều 276 ND 155
	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau : a. Thành viên đó không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị. b. Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của công ty. c. Thành viên đó bị mất năng lực hành vi dân sự. d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	Điều 275 ND 155
		5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	
		6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	Điều 155 LDN 2020
28	Điều 17. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân	Điều 153 LDN 2020

	<p>nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điều lệ, các quy chế của công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược phát triển của công ty.</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.</p> <p>c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động vốn theo hình thức khác,</p> <p>d. Quyết định phương án đầu tư.</p> <p>e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.</p> <p>f.. Bổ nhiệm và bãi nhiệm, cách chức Giám đốc, bổ nhiệm và bãi nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó.</p> <p>g. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.</p> <p>h. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>i. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty,</p>	<p>Điều 153 LDN 2020</p>

	<p>trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>j. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.</p> <p>k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>l. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;</p> <p>m. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty;</p> <p>n. Đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Quyết định việc chuyển nhượng của loại cổ phiếu ghi danh của thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát giám đốc và những người quản lý khác.</p>	<p>quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua ng nghị quyết;</p> <p>m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>q) Yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.</p> <p>r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị .</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
		3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Điều 280 NĐ 155
	4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.		
29		Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Điều 163 LDN 2020
	5. Các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh	5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các	

	toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kể cả chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.	
30	Điều 18. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
	1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc công ty trừ trường hợp Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 156 LDN 2020
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác ; d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị; e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị ; f. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định theo Luật Doanh nghiệp hiện hành và điều lệ này.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua ng nghị quyết , quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết , quyết định của Hội đồng quản trị; e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ; f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều 156 LDN 2020
	4. Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hay bị miễn nhiệm thì trong vòng 10 ngày Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	
	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú,	Điều 156 LDN 2020

		bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.		
31	Điều 19. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	
		1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Điều 157 LDN 2020
	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị: a. Họp thường xuyên mỗi quý họp ít nhất một lần b. Trường hợp cần thiết có thể họp bất thường theo đề nghị của các đối tượng: - Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; - Có đề nghị của Ban kiểm soát; Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát; b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	Điều 157 LDN 2020
	2. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 2 tuần sau khi có đề xuất họp. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người đề nghị tổ chức cuộc họp đề cập ở khoản 2 điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng quản trị.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội	Điều 157 LDN 2020

		đồng quản trị.	
	3. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp phải được gửi cho thành viên Hội đồng trong vòng 5 ngày trước cuộc họp. Thông báo họp phải được viết bằng tiếng Việt và phải nêu rõ chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải gửi kèm theo nội dung những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	Điều 157 LDN 2020
		7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
	4. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Điều 157 LDN 2020
		9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.	Điều 157 LDN 2020
		10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được	Điều 157 LDN 2020

		chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	
	5. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ loại hợp đồng quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp hiện hành sẽ không có quyền biểu quyết.	<p>11. Biểu quyết</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	
		12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ	

		chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.	
		13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	
		14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều 157 LDN 2020
		15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.	Điều 157 LDN 2020
		16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	

	6. Biên bản cuộc họp phải được thông qua tại cuộc họp và thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.	17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	
32		Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Điều 280 NĐ 155
33		Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Điều 280 và Điều 281 NĐ 155
34		Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
35		Điều 35. Người điều hành Doanh nghiệp	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Điều 163 LDN 2020
36	Điều 20. Giám đốc công ty	Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc	
	1. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 157 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc. 2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. 3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Điều 162 LDN 2020
	2. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty.		
	3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc với ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết đồng ý	5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ	

	(không kể biểu quyết của Giám đốc trong trường hợp Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị).	nhiệm Giám đốc mới thay thế.	
37	Điều 21. Nhiệm vụ quyền hạn của Giám đốc công ty		
	<p>1. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án bổ trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;</p> <p>f. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p> <p>g. Tuyển dụng, trả lương người lao động theo quy chế do Hội đồng quản trị phê duyệt và phù hợp với các quy định pháp luật;</p> <p>h. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch tài chính của Công ty;</p> <p>i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
38		Điều 37. Thư ký Công ty	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Điều 156 LDN 2020
39	Điều 22. Ban kiểm soát	Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	
	7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục	1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 26 Điều lệ này. Cổ đông nắm	Điều 285 NĐ 155

	trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào ban Kiểm soát; nắm giữ từ 30% đến dưới 60% được đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 60% trở lên được đề cử 03 ứng viên.	giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	
40		Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát	
	1. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có 03 thành viên trong đó ít nhất phải có 01 thành viên có chuyên môn về kế toán. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. 2. Ban Kiểm soát bầu ra một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát . 3. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm và được bầu lại tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.	1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 286 NĐ 155
	6. Tiêu chuẩn ứng cử Kiểm soát viên: a. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty; b. Ưu tiên cổ đông có trình độ chuyên môn về kế toán và có	2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực	Điều 174 LDN 2020

	<p>trình độ học vấn từ đại học trở lên;</p> <p>c. Có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành pháp luật;</p> <p>d. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.</p> <p>9. Những người sau đây không được làm Kiểm soát viên:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty;</p> <p>b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	
	<p>10. Chấm dứt tư cách Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản gửi đến Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục 12 tháng mà không được phép của Ban Kiểm soát.</p>	<p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
41		Điều 40. Trưởng ban kiểm soát	

		1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	Điều 168 LDN 2020
	<p>2. Nhiệm vụ quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát (điều 23)</p> <p>a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	Điều 168 LDN 2020
42	Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của ban kiểm soát, trưởng ban kiểm soát	Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	
	<p>1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát :</p> <p>a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;</p> <p>b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán,</p>	<p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông</p>	Điều 288 NĐ 155 và Điều 171 LDN 2020

	<p>báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;</p> <p>e. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;</p> <p>f. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty;</p> <p>g. Không được tiết lộ bí mật của Công ty.</p> <p>h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. (điều 22)</p>	<p>báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	3. Việc kiểm tra quy định tại các điểm a và b khoản 1 của điều này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;		
43		Điều 42. Cuộc họp của ban kiểm soát	
	4. Ban Kiểm soát họp ít nhất là 6 tháng 1 lần và số lượng thành viên tối thiểu có trong các cuộc họp là 02 thành viên. (điều 22)	1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	Điều 289 NĐ 155
		2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
44		Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	

	5. Tổng thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát và khi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ. (điều 22)	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	Điều 172 LDN 2020
45		TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
46		Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	Điều 291 NĐ 155
47		Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
48		Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
49		Điều 47. Công nhân viên và công đoàn	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
50	Điều 25. Cổ tức	Điều 48. Phân phối lợi nhuận	
	1. Cổ tức được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.	Điều 135 LDN 2020

		2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.	
	2. Công ty có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này là phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.		
	3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.	3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.	
	4. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới cổ phiếu nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải trả bằng tiền đồng Việt Nam tại trụ sở chính của Công ty hoặc bằng lệnh chuyển tiền đến tài khoản của cổ đông tại ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về tài khoản của cổ đông đó. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào đã được Công ty chuyển mà cổ đông đó không nhận được. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại thị trường chứng khoán, việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán.	4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.	
	5. Cổ tức có thể được trả bằng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm thay cho cổ tức tiền mặt nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Những cổ phần bổ sung này là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua và giá trị của các cổ phiếu phổ thông bổ sung dùng để trả cổ tức phải tương đương với cổ tức tiền mặt theo sự tính toán sát thực nhất.		
	6. Hội đồng quản trị quy định ngày khóa sổ danh sách người sở hữu chứng khoán mà theo đó cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được hưởng các quyền bao gồm: quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, nhận lãi trái phiếu, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	

		6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
	7. Trong trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần trong khoảng thời gian giữa ngày khóa sổ danh sách cổ đông và ngày thực hiện quyền thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền liên quan.		
51		Điều 49. Tài khoản ngân hàng	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
52		Điều 51. Chế độ kế toán	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
53		Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
54		Điều 53. Báo cáo thường niên	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
55		Điều 54. Kiểm toán	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
56		Điều 55. Dấu của doanh nghiệp	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
57	Điều 28. Chấm dứt hoạt động	Điều 56. Giải thể công ty	
	1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo qui định của pháp luật hiện hành. b. Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của công ty tại Đại hội cổ đông. c. Các trường hợp khác do pháp luật qui định.	1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Điều 207 LDN 2020
	2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để xin phép giải thể.	2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	
58		Điều 57. Gia hạn hoạt động	

		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
59	Điều 29. Thanh lý	Điều 58. Thanh lý	
	1. Khi có quyết định chấm dứt hoạt động hay giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên là những người có chuyên môn và am hiểu về lĩnh vực thanh lý , trong đó có 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập . Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	Điều 208 LDN 2020
	2. Ban thanh lý có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản và chấm dứt hoạt động của công ty , báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về việc chấm dứt hoạt động của công ty.	2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.	
	3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo quy định của pháp luật. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ sẽ phân chia cho các cổ đông.	3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: a) Các chi phí thanh lý; b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c) Nợ thuế; d) Các khoản nợ khác của Công ty; e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	
60		Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
		<i>(Bổ sung mới phù hợp với quy định)</i>	
61	Điều 30. Sửa đổi và bổ sung điều lệ	Điều 60. Điều lệ công ty	

	Mọi sửa đổi hay bổ sung bản Điều lệ này đều phải được lập thành dự thảo đề Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Những điều không được quy định trong điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy chế của công ty, các quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam, và các thông lệ thương mại quốc tế.	1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.	
62	Điều 31. Hiệu lực thi hành	Điều 61. Ngày hiệu lực	
	<p>1. Điều lệ này gồm 6 chương 31 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI nhất trí thông qua ngày 12/08/2005. cùng chấp thuận toàn bộ nội dung của điều lệ này tại Hội trường khách sạn Đồng Nai.- thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai. Điều lệ được bổ sung sửa đổi theo bản dự thảo tại Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2007, tiếp tục được bổ sung sửa đổi điều lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 31/3/2008 ; được bổ sung sửa đổi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 22/04/2010 và được bổ sung sửa đổi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 28/04/2016 nhất trí 100%. Bản điều lệ này thay thế cho bản điều lệ lập ngày 22/4/2010.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Nộp Phòng đăng ký kinh doanh. 01 Bản</p> <p>b. Nộp Hội đồng quản trị. 03 Bản</p> <p>c. Lưu trữ tại văn phòng Công ty. 01 Bản</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Giám đốc Công ty mới có giá trị.</p> <p>5. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và toàn thể CBCNV công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh điều lệ này.</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và toàn thể CBCNV công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh điều lệ này.</p>	

Số: /TTr- ĐHĐCĐ-NSS
“Dự thảo”

Đồng Nai, ngày 08 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2020
KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 18/6/2020 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 27/11/2020 của Công ty;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính và kết quả SXKD năm 2020 của Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm tra xác nhận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các nội dung sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020:

Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai dự kiến chia 100% lợi nhuận năm 2020 còn lại sau khi nộp thuế TNDN và trích lập các quỹ; Số liệu như sau:

Số tt	Diễn giải	Số tiền (đồng)
I	Vốn điều lệ đến 31/12/2020	102.639.420.000
II	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020	136.827.106.419
III	(Trừ Chi phí thù lao HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp và BKS năm 2020)	160.000.000
IV	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối (II-III)	136.667.106.419
	Trích lập các quỹ	10.461.675.587
1	Trích lập quỹ khen thưởng (Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 13/6/2016)	4.715.913.000
2	Trích lập quỹ phúc lợi (Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 13/6/2016)	4.715.913.000
3	Trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành bằng 1% phần vượt lợi nhuận sau thuế: $1\% \times (136.827.106.419 - 34.550.000.000) = 1.022.771.000đ$	1.022.771.000
4	Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	7.078.587
5	Số LNST còn lại chia hết cổ tức	126.205.430.832
V	Mức chia cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 122,96%/ vốn điều lệ) (10.263.942 CP x 12.296 đ/CP)	126.205.430.832
	a) Cổ tức đã tạm ứng: Trong tháng 12/2020 thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 27/11/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 đã thống nhất mức tạm ứng cổ tức: 40%/vốn	

	điều lệ; cổ tức chi tạm ứng cho mỗi cổ phần: 4.000đ/CP đã thực hiện chi trong tháng 12/2020.	41.055.768.000
	b) Dự kiến chia tiếp cổ tức năm 2020. (tỷ lệ 82,96%/vốn điều lệ, mức chi 8.296đ/cp), chi trong năm 2021 với tổng số tiền:	
	Tổng số: 10.263.942 CP	85.149.662.832
1	CĐ NN (TCty CNTPĐN) (8.654.142 CP x 8.296 đ/CP)	71.794.762.032
2	CĐ CBCNV + Bên ngoài (1.609.800 CP x 8.296 đ/CP)	13.354.900.800
	<i>Số tiền chia cho 01 Cổ phần</i>	<i>8.296 đ/CP</i>

Tổ chức thực hiện: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định ngày chốt danh sách và thực hiện các thủ tục chi trả tiếp cổ tức năm 2020 theo đúng quy định.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021

1. Lợi nhuận trước thuế TNDN kế hoạch năm 2021: 51.500 triệu đồng;

2. Lợi nhuận sau thuế TNDN kế hoạch năm 2021: 43.335 triệu đồng;

3. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021:

- Quỹ đầu tư phát triển: dự kiến không trích lập;
- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi người lao động, quỹ thưởng Ban Quản lý Điều hành trích lập theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, các văn bản pháp luật liên quan và phù hợp với tình hình, đặc điểm thực tế Công ty.

- Tiền thưởng cho Người Quản lý trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021: tối đa bằng 1,5% (một phẩy năm phần trăm) trên phần lợi nhuận sau thuế TNDN thực hiện 2021 vượt so với lợi nhuận sau thuế TNDN kế hoạch năm 2021:

- Cổ tức năm 2021: chia hết lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ, dự kiến chia từ 30%/vốn điều lệ trở lên.

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 để quyết định mức tạm ứng cổ tức trong năm 2021.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Hồng

Số: /TTr ĐHĐCĐ-NSS
“Dự thảo”

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v Tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Người quản lý năm 2020
và Kế hoạch năm 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai về quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 18/6/2020.

HDQT xin báo cáo với Đại hội đề nghị thông qua các nội dung như sau:

I. Tiền lương, mức thù lao thực hiện năm 2020

1. Mức thù lao thực hiện năm 2020

Ngày 18/6/2020 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai đã thông qua Nghị quyết về mức thù lao của các thành viên HDQT và Ban kiểm soát năm 2020. Tổng mức thù lao năm 2020 đã thực hiện theo như quy định của Đại hội. Đã thực chi thù lao cho HDQT và BKS năm 2020 tổng số tiền: 295.000.000 đồng.

2. Tiền lương thực hiện năm 2020

Tiền lương người quản lý chuyên trách năm 2020 (Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS) được thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách (không có thù lao), hưởng lương chuyên trách. Tiền lương bình quân thực hiện của Trưởng BKS năm 2020 là: 15.000.000đ/tháng.

II. Dự kiến mức tiền lương, tiền thưởng và thù lao của Người quản lý Công ty năm 2021:

1. Kế hoạch tiền lương của người quản lý chuyên trách năm 2021 (Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS): được thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội, các văn bản pháp luật liên quan và vận dụng phù hợp tình hình, đặc điểm thực tế của Công ty.

Tiền lương của Trưởng BKS với mức chi là 18.000.000 đồng/tháng.

2. Thù lao của HDQT và BKS năm 2021:

Thực hiện mức chi như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Mức chi/người/tháng	Số tiền cả năm
1	01 Chủ tịch HDQT	Đồng	6.000.000	72.000.000

2	01 Phó Chủ tịch HĐQT	“	5.500.000	66.000.000
3	03 Thành viên HĐQT	“	5.000.000	180.000.000
	Thù lao HĐQT	Đồng		318.000.000
1	Thù lao BKS (02 người)	Đồng	4.000.000	96.000.000
	Tổng cộng			414.000.000

3. **Tiền thưởng của Người quản lý:** được thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các văn bản pháp luật liên quan và vận dụng phù hợp tình hình thực tế SXKD của công ty.

4. Tiền thưởng của Ban quản lý trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 (trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021): tối đa là 1,5% (một phẩy năm phần trăm) trên phần lợi nhuận sau thuế TNDN vượt so với lợi nhuận sau thuế TNDN kế hoạch 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Hồng

Số: /TTr-ĐHĐCĐ-NSS
“Dự thảo”

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho HĐQT
chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông,

Căn cứ Điều 15 Điều lệ Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai về Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông;

Căn cứ Điều 27 Điều lệ Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai về Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Điều 40 Điều lệ Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai về nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Để hoàn thành báo cáo tài chính hàng năm đúng thời gian quy định, đáp ứng được yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán. HĐQT đề nghị:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho HĐQT chọn công ty kiểm toán độc lập trong danh mục cho phép của Bộ Tài chính để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính công ty năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Hồng

Số: /TTr- ĐHĐCĐ-NSS

Đồng Nai, ngày 08 tháng 6 năm 2021

Dự thảo

TỜ TRÌNH
V/v bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS
nhiệm kỳ IV (2021 – 2025)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-HĐTV ngày 15/4/2021 của HĐTV Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai V/v cử nhân sự đại diện phần vốn Tổng Công ty và đề nghị công ty lập thủ tục cho các thành viên HĐQT tiếp tục tham gia HĐQT Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai nhiệm kỳ IV (2021 – 2025).

Nhiệm kỳ 2016 – 2020 của HĐQT và BKS Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai đã hết. Công ty phải bầu HĐQT và BKS Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2025.

HĐQT Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua các vấn đề sau đây:

Nội dung 1: Đề cử giới thiệu nhân sự tham gia bầu HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2025.

Bà Lê Thị Khánh Xương, thành viên HĐQT đương nhiệm đã có đơn xin không tham gia HĐQT và đề cử ông Lâm Hùng Phương, nguyên Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty (đã nghỉ hưu) tham gia danh sách bầu HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2025. HĐQT Công ty thống nhất đề cử ông Lê Hùng Phương để bầu HĐQT.

HĐQT Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai thống nhất trình ĐHĐCĐ Công ty danh sách để bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai căn cứ quy định về tiêu chuẩn ứng viên HĐQT thỏa mãn yêu cầu của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành như sau (kèm theo lý lịch trích ngang của ứng viên HĐQT):

a) Số lượng thành viên của HĐQT nhiệm kỳ IV(2021 -2025): 05 người;

b) Danh sách bầu thành viên HĐQT (xếp theo thứ tự ABC):

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay
1	Đinh Văn Hồng	1961	254/7, Phan Trung, P.Tân	Cử nhân kinh tế	Chủ tịch HĐQT, PT KSNB

			Tiến, BH, ĐN		TCCTY CNTPDN
2	Đinh Ngọc Mến	1976	Vườn Dừa, P. Phước Tân, BH, ĐN	Cử nhân kinh tế	TV HĐQT KTT- CPNSSĐN
3	Lâm Hùng Phương	1958	F43, D3, Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất BH, ĐN	Cử nhân kinh tế	Cán bộ Hưu trí, Cổ đông Công ty
4	Trần Minh Phương	1963	240/9 KP 1, P. Tân Hiệp, BH, ĐN	Cử nhân kinh tế	TV HĐQT, PGĐ-CPNSSĐN
5	Nguyễn Diên Tường	1962	K59, KP1, P. Bửu Long, TP. BH, ĐN	Cử nhân kinh tế kỹ thuật	Phó CT HĐQT - Giám Đốc CTYCPNSSĐN

Nội dung 2: Đề cử giới thiệu nhân sự tham gia bầu thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2021 -2025):

a)Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2021 -2025): 03 người;

b)Danh sách bầu thành viên Ban kiểm soát (xếp theo thứ tự ABC):

+ Căn cứ vào Quyết định số 125/QĐ-HĐTV ngày 15/4/2021 của HĐTV Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai giới thiệu nhân sự như sau: Bà Ngô Thị Cẩm Hà, Đại diện vốn Tổng công ty - Thành viên BKS đương nhiệm tiếp tục tham gia danh sách bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 -2025 và Ông Nguyễn Minh Tiến – Nhân viên Phòng Kế hoạch tổng hợp Tổng công tytham gia ứng cử vào BKS (kèm theo lý lịch trích ngang của các ứng viên BKS nhiệm kỳ 2021-2025).

+ HĐQT thống nhất tiếp tục giới thiệu Ông Hoàng Ngọc Long, Trưởng Ban Kiểm soát đương nhiệm tham gia danh sách bầu BKS Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2025.

+ Danh sách đề cử bầu thành viên Ban kiểm soát (xếp theo thứ tự ABC) như sau:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay
1	Ngô Thị Cẩm Hà	1986	Số 33, P. Tân Mai BH, ĐN	Cử nhân kinh tế	Thành viên Ban kiểm soát CTY CPNSSĐN
2	Hoàng Ngọc Long	1978	118/9/16, KP11A, P. Tân Phong, BH, ĐN	Cử nhân kế toán	Trưởng Ban kiểm soát CTY CPNSSĐN
3	Nguyễn Minh Tiến	1989	202/6A, KP5, P. Trung Dũng, BH, ĐN	Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ QTKD.	Nhân viên Phòng Kế hoạch Tổng hợp Tổng công ty

HĐQT trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2021 – 2025) theo số lượng và danh sách nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Hồng

BẢN LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

1. Họ và tên: **ĐINH VĂN HỒNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 30/10/1961
4. Nơi sinh: Bà Rịa – Vũng Tàu
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 271802699, cấp ngày 07/04/2018 tại Đồng Nai
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 254/7 – Phan Trung – P. Tân Tiến – Biên Hoà – Đồng Nai
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính – Kế toán
11. Chức vụ hiện tại: Phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ, Đại diện vốn Tổng Công ty tại một số đơn vị thành viên
12. Quá trình công tác

Thời gian công tác	Đơn vị công tác
1985-1990	Chuyên viên phòng Kế toán tài chính Sở Thương nghiệp Đồng Nai
1990-2006	Kế toán trưởng Công ty Thương Mại Đồng Nai
06/2006 - 11/2006	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP Xuất nhập khẩu Biên Hoà
11/2006 – 06/2007	Công tác tại Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
06/2007 – 08/2010	Phó Phòng Hỗ trợ Tài chính và Kinh doanh nội bộ
08/2010 – 03/2019	Kiểm soát viên, Phụ trách kiểm soát viên kiêm Phụ trách Phòng kiểm toán nội bộ, Đại diện vốn Tổng Công ty tại một số đơn vị thành viên
04/2019 - nay	Phụ trách Phòng kiểm toán nội bộ tại Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn.

13. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
14. Số CP nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu (DOFICO): 4.154.142 cổ phiếu
 - Cá nhân sở hữu: /

BẢN LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

1. Họ và tên: **NGUYỄN DIỄN TƯỜNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 03/02/1962
4. Nơi sinh: Thủy Dương, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 270713706, cấp ngày 08/08/2018 tại Đồng Nai
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: K59 – KP1, Phường Bửu Long - Biên Hòa- Đồng Nai
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kỹ thuật
11. Chức vụ hiện tại: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
12. Quá trình công tác

Thời gian công tác	Đơn vị công tác
03/1982- 05/1994	Cán bộ tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
06/1994 - 08/2005	Phó Giám đốc tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
09/2005 - 04/2007	Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
05/2007 – nay	Phó chủ tịch HĐQT - Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

13. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
14. Số CP nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu
 - Cá nhân sở hữu: 13.400 cổ phiếu

BẢN LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

1. Họ và tên: **TRẦN MINH PHƯƠNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 16/12/1963
4. Nơi sinh: phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 271062100, cấp ngày 25/09/2015 tại Đồng Nai
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 240/9 Tổ 1 - KP I - P. Tân Hiệp - Biên Hòa - Đồng Nai
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
11. Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
12. Quá trình công tác

Thời gian công tác	Đơn vị công tác
08/1984 - 09/1987	Nhân viên tại Công ty Kinh doanh lương thực tỉnh Đồng Nai
10/1994 - 08/2005	Nhân viên kế toán tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
09/2005 - 09/2006	Kế toán tổng hợp tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
10/2006 - 04/2019	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
04/2019 - nay	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

13. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
14. Số CP nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu
 - Cá nhân sở hữu: 67.800 cổ phiếu

BẢN LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

1. Họ và tên: **ĐINH NGỌC MẾN**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 09/01/1976
4. Nơi sinh: Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 272662895, cấp ngày 09/09/2019 tại Đồng Nai
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: Ấp Vườn Dừa - Phước Tân - Biên Hòa- Đồng Nai
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
11. Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
12. Quá trình công tác

Thời gian công tác	Đơn vị công tác
04/2004 – 09/2005	Thủ kho tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
10/2005 – 05/2016	Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
06/2016 – 04/2019	Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
04/2019 – nay	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

13. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
14. Số CP nắm giữ: 3.400 cổ phiếu

BẢN LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

1. Họ và tên: **LÂM HÙNG PHƯƠNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 15/08/1958
4. Nơi sinh: xã Thuận Các, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 270022672, cấp ngày 15/03/2008 tại Đồng Nai
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: F43 - Đường D3 Võ Thị Sáu, KP 7 - P. Thống Nhất - Biên Hòa- Đồng Nai
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kế hoạch
11. Chức vụ hiện tại: Nghỉ hưu
12. Quá trình công tác

Thời gian công tác	Đơn vị công tác
03/1978 - 03/1997	Công tác tại Tỉnh đoàn Đồng Nai
04/1997 - 08/2005	Trưởng phòng Kinh doanh Tổng hợp tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
09/2005 - 05/2007	Trưởng phòng Kinh doanh Tổng hợp tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
06/2007 – 08/2018	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
09/2018 - nay	Nghỉ hưu

13. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
14. Số CP nắm giữ: 35.600 cổ phiếu

BẢN LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

1. Họ và tên: **HOÀNG NGỌC LONG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 14/09/1978
4. Nơi sinh: Nghệ An
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 271754525, cấp ngày 08/08/2017 tại Đồng Nai
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 118/9/16 - KP11A - P. Tân Phong - Biên Hòa- Đồng Nai
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
11. Chức vụ hiện tại: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
12. Quá trình công tác

Thời gian công tác	Đơn vị công tác
04/2004 – 08/2005	Nhân viên Phòng Tổng hợp tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
09/2005 – 02/2014	Nhân viên Phòng Tổng hợp tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
02/2014 – 04/2019	Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
04/2019 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

13. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
14. Số CP nắm giữ: 1.200 cổ phiếu

BẢN LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

- Họ và tên: **NGUYỄN MINH TIẾN**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/11/1989
- Nơi sinh: Biên Hoà, Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 075089001440 cấp ngày 09/4/2021
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 202/6A, khu phố 5, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán kiểm toán
- Chức vụ hiện tại: Nhân viên Phòng Kế hoạch tổng hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
- Quá trình công tác

Thời gian công tác	Đơn vị công tác
07/2011 – 08/2014	Nhân viên Phòng Kế toán tài chính Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
09/2014 - 12/2018	- Nhân viên Phòng Thành viên & Liên kết Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - 04/2015 đến 12/2018: kiêm nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chăn nuôi bò và Chế biến sữa Đồng Nai
01/2019 – 04/2021	Nhân viên Văn phòng Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
05/2021 đến nay	Nhân viên Phòng Kế hoạch tổng hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số CP nắm giữ: Không.

BẢN LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

1. Họ và tên: **NGÔ THỊ CẨM HÀ**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 09/03/1986
4. Nơi sinh: TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 271812976, cấp ngày 04/8/2018 tại Đồng Nai
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: Số 1A/4, Khu phố 2, P. Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
11. Chức vụ hiện tại:
12. Quá trình công tác

Thời gian công tác	Đơn vị công tác
03/2010 - nay	Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ tại Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

13. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
14. Số CP nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu
 - Cá nhân sở hữu: 0

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2021.

Dự thảo

QUY CHẾ

**Đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ lần thứ IV (2021-2025)
Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai**

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021-2025) của Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai tại Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Mục tiêu đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Quy chế này quy định và điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4. Đối tượng áp dụng: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách cổ đông Công ty chốt đến 16 giờ 30 ngày 10/05/2021), thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông đều được nhận một phiếu bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và một phiếu bầu cử Thành viên Ban kiểm soát.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ các điều kiện và thủ tục bầu cử quy định tại Quy chế này.
- Cổ đông, đại diện cổ đông phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức Đại hội.
- Nghiêm túc chấp hành Quy chế bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Đề cử, ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Là cổ đông của Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan và có ý thức chấp hành pháp luật.

- Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

2. Đề cử, ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị của Công ty. Số người được đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:

- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử một (01) ứng viên;

- Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Từ 70% trở lên được đề cử tối đa 05 (05) ứng viên;

Điều 4. Đề cử, ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của ứng viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý khác của Công ty;

- Có trình độ đại học trở lên, ưu tiên là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và có năng lực. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về tài chính kế toán;

- Người được đề cử vào Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai.

2. Đề cử, ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử người vào Ban kiểm soát Công ty. Số người được đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:

- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 70% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- Từ 70% trở lên được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Quyết định/ văn bản cử, Đơn đề cử, ứng cử vào các chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Lý lịch cá nhân (hoặc văn bản tương đương) của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu đăng tải trên website Công ty;

- Bản sao có chứng thực hộ khẩu thường trú (hoặc đăng ký tạm trú); CMND hoặc hộ chiếu (nếu là người nước ngoài); các văn bằng chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (01 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ).

Điều 6. Thông tin hồ sơ

Hồ sơ đề cử, ứng cử xin gửi về Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai trước ngày 30/04/2021.

Điều 7. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông hoặc cá nhân đại diện cổ đông, nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu vào thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và sẽ thông qua danh sách tại Đại hội.

Chương III

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Điều 8. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất do Ban Tổ chức phát hành (phiếu màu xanh bầu HĐQT và phiếu màu hồng bầu Ban kiểm soát).

- Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; tên cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền;

- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu HĐQT và phiếu bầu Ban kiểm soát (sở hữu và được ủy quyền) khi tham dự Đại hội.

2. Ghi phiếu bầu

- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết;

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác;

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không do Ban tổ chức phát hành, không theo mẫu quy định của Công ty hoặc không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số phiếu bầu đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);

- Phiếu gạch bỏ hết tên các ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền không ký xác nhận trên Phiếu bầu.

Điều 9. Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành.

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu (05) hoặc số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu (03). Cổ đông có thể sử dụng số cổ phần có quyền biểu quyết của mình để bầu cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Nguyên tắc, thể lệ bầu cử được Ban Tổ chức quy định và hướng dẫn cụ thể

Điều 10. Ban bầu cử và kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban bầu cử và kiểm phiếu

- Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm ba (03) người do Ban Chỉ đạo đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên ban bầu cử và kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Ban bầu cử và kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu, hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu, giám sát việc bỏ phiếu, tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 11. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị là 05 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất;

- Ứng cử viên trúng cử vào Ban kiểm soát là 03 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất;

- Trong trường hợp không lựa chọn được thành viên trúng cử cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do có từ hai (02) ứng cử viên trở lên có số phiếu bầu ngang nhau, khi đó sẽ:

+ Đối với Hội đồng quản trị: Chọn theo tiêu chí ứng cử viên sở hữu số cổ phần cao hơn sẽ được chọn;

+ Đối với Ban kiểm soát: Tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có phiếu bầu cao hơn.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử và kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp; số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trắng; số cổ phần biểu quyết và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp;

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 13. Quy định về khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ do Đoàn chủ tịch Đại hội đồng cổ đông giải quyết ngay tại Đại hội và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 4 Chương và 14 Điều, do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai ban hành tuân thủ các quy định của pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông nhiệm kỳ IV (2021-2025) của Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai, sau khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận biểu quyết thông qua.

Các cổ đông, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai nhiệm kỳ IV (2021-2025) chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ
IV (2021-2025) của Công ty cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Tôi/chúng tôi gồm cổ đông, hiện đang sở hữu
cổ phần, chiếm tỷ lệ% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Nông Súc Sản
Đồng Nai

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông Súc Sản
Đồng Nai cho tôi/chúng tôi được đề cử:

Ông/bà:.....

CMND số:..... ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email:

Là người đại diện theo pháp luật/được ủy quyền của:.....

Giấy CNĐKKD số:..... ngày cấp:nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty cổ phần Nông Súc
Sản Đồng Nai.

Tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Nông Súc
Sản Đồng Nai, nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Xin trân trọng cảm ơn./.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng .. năm 2021

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng cử viên và các hồ sơ liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ
IV (2021-2025) của Công ty cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Tôi/chúng tôi gồm cổ đông, hiện đang sở hữu
cổ phần, chiếm tỷ lệ% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Nông Súc Sản
Đồng Nai.

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông Súc Sản
Đồng Nai cho tôi/chúng tôi được đề cử:

Ông/bà:.....

CMND số:..... ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email:

Là người đại diện theo pháp luật/được ủy quyền của:.....

Giấy CNĐKKD số:..... ngày cấp:nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty cổ phần Nông Súc
Sản Đồng Nai.

Tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Nông Súc
Sản Đồng Nai, nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Xin trân trọng cảm ơn./.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng .. năm 2021

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng cử viên và các hồ sơ liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ
IV (2021-2025) của Công ty cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Tôi tên là:

CMND số:..... ngày cấp:nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email:

Là người đại diện theo pháp luật/được ủy quyền của:.....

Giấy CNĐKKD số:..... ngày cấp:nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty cổ phần Nông
Súc Sản Đồng Nai.

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV (2021-2025) Công ty
cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai, cho tôi được tham gia ứng cử thành viên Hội đồng
quản trị của Công ty cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai, nhiệm kỳ 2021-2025.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin
đem hết năng lực và tâm huyết của mình để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày ... tháng .. năm 2021

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng cử viên và các hồ sơ liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ
IV (2021-2025) của Công ty cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Tôi tên là:

CMND số:..... ngày cấp:nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email:

Là người đại diện theo pháp luật/được ủy quyền của:.....

Giấy CNĐKKD số:..... ngày cấp:nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty cổ phần Nông
Súc Sản Đồng Nai.

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV (2021-2025) Công ty
cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai, cho tôi được tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm
soát của Công ty cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai, nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem
hết năng lực và tâm huyết của mình để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày ... tháng .. năm 2021

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng cử viên và các hồ sơ liên quan.

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
Số: /BB-ĐHĐCĐTN

Hôm nay vào lúc giờphút ngày 08/6/2021 tại Hội trường Văn phòng Công ty cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai địa chỉ số 238 Nguyễn Ái Quốc, P.Tân Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ Phần Nông Súc Sản Đồng Nai.

I. Thành phần tham dự gồm có:

• **Đại biểu khách mời:**

- Ông: - Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

• **Cổ đông:**

Mời tham dự Đại hội đồng cổ đông tổng số là: cổ đông đại diện cho cổ phần, chiếm tỷ lệ% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Trong đó:

- Đại diện phần vốn thuộc sở hữu Nhà nước có cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm tỷ lệ% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Đại diện phần vốn thuộc sở hữu các nhà đầu tư có cổ đông, đại diện cho cổ phần sở hữu và được ủy quyền tương đương % vốn điều lệ của doanh nghiệp.

II. Chương trình Đại hội:

1. Chào cờ - Tuyên bố lý do – Giới thiệu đại biểu;
2. Báo cáo tình hình cổ đông, đại diện nhóm cổ đông tham dự Đại hội;
3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội;
4. Báo cáo của Ban Giám đốc (tổng kết năm 2020 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2021);
5. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
6. Báo cáo của HĐQT Công ty năm 2020 và phương hướng năm 2021;
7. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020;
8. Phần thảo luận của Đại hội;
9. Trình Đại hội các vấn đề sau:
 - a. Tờ trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
 - b. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
 - c. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT,
 - d. Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- e. Tờ trình V/v phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch SXKD và chia cổ tức năm 2021.
- f. Tờ trình về tiền lương thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- g. Tờ trình về ủy quyền cho HĐQT chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021
- h. Tờ trình về Quy chế bầu cử và số lượng, danh sách đề cử nhân sự để bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025.

10. Ý kiến của cổ đông – Biểu quyết thông qua;

11. Phát biểu ý kiến của Lãnh đạo Tổng Công ty – Đáp từ của HĐQT;

12. Thông qua Nghị quyết Đại hội.

III. Nội dung:

1. Báo cáo tư cách cổ đông, đại diện nhóm cổ đông tham dự Đại hội:

Ông Đinh Ngọc Mến – Thành viên HĐQT, thay mặt Ban tổ chức Đại hội báo cáo tình hình cổ đông và đại diện nhóm cổ đông tham dự Đại hội như sau:

Tất cả các cổ đông và đại diện nhóm cổ đông tham dự Đại hội là hợp lệ, đúng nguyên tắc và thủ tục quy định.

Tổng số dự họp là: cổ đông, đại diện chocổ phần, chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ.

Vắng: cổ đông, đại diện cổ phần, chiếm tỷ lệ % vốn Điều lệ.

Lý do vắng mặt: Do bận công việc không đến dự được và đã có báo cho Công ty.

Căn cứ Điều 139 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 16/06/2020, và Điều 20 của Điều lệ của Công ty về Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thì ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai tiến hành là hợp lệ.

2. Giới thiệu Đoàn chủ tịch Đại hội và Thư ký Đại hội:

• Đoàn chủ tịch:

- Ông Đinh Văn Hồng – Chủ tịch HĐQT – Đại diện cho phần vốn thuộc sở hữu Nhà nước;

- Ông Nguyễn Diên Tường – Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai – Đại diện cho phần vốn thuộc sở hữu Nhà nước.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

• Thư ký:

- Ông Trần Minh Phương – Thư ký.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ông Đinh Văn Hồng thay mặt Chủ tịch Đoàn thông qua Chương trình làm việc của Đại hội.

3. Phần trình bày các báo cáo và đóng góp ý kiến của cổ đông:

Báo cáo tổng kết năm 2020 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2021 do ông Nguyễn Diên Tường, Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai trình bày (có báo cáo kèm theo).

Báo cáo của HĐQT Công ty năm 2020 và phương hướng năm 2021 do ông Đinh Văn Hồng Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai trình bày (có báo cáo kèm theo).

Báo cáo của Ban kiểm soát do Ông Hoàng Ngọc Long - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai trình bày (có báo cáo kèm theo).

*** Ý kiến đóng góp của cổ đông:**

Ông Đinh Văn Hồng thay mặt Chủ tịch đoàn trả lời như sau:

4. Biểu quyết thông qua các nội dung:

4.1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Tổng doanh thu : 355.596 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 161.599 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 136.827 triệu đồng

4.2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021:

- Tổng doanh thu : 270.00 triệu đồng.
- Sản phẩm chủ yếu:
 - ♦ Heo thịt : 4.200 tấn
- Lợi nhuận trước thuế : 51.500 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 43.335 triệu đồng.
- Chia cổ tức dự kiến : Cổ tức năm 2021: Dự kiến chia từ 30%/vốn điều lệ trở lên

Giao cho HĐQT triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4.3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020:

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4.4. Thông qua báo cáo của HĐQT và Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020:

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4.5. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát:

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5. Các tờ trình Đại hội:

Trình Đại hội một số nội dung do ông Đinh Văn Hồng - Chủ tịch HĐQT trình bày bao gồm các tờ trình sau: (các tờ trình kèm theo)

- Tờ trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020
- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.
- Tờ trình về Quy chế bầu cử và số lượng, danh sách đề cử nhân sự để bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025.
- Tờ trình V/v phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch SXKD và chia cổ tức năm 2021.

- Tờ trình về Tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Người quản lý năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

- Tờ trình về ủy quyền cho HĐQT chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2021;

Trình Đại hội Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát do Ông Hoàng Ngọc Long - Trưởng ban Kiểm soát trình bày.

Biểu quyết thông qua các tờ trình:

5.1 Tờ trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

5.2 Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

5.3 Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

5.4. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020:

a. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 136.827.106.419 đồng

(Trừ chi phí thù lao HĐQT và BKS năm 2020: 160.000.000 đồng)

**Lợi nhuận sau thuế năm 2020 còn lại phân phối các quỹ và chia cổ tức:
136.667.106.419 đồng**

b. Phân phối lợi nhuận:

***Lợi nhuận năm 2020 phân phối các quỹ: 10.461.675.587 đồng**

- Trích lập quỹ khen thưởng (Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 13/6/2016): 4.715.913.000 đồng

- Trích lập quỹ phúc lợi (Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 13/6/2016): 4.715.913.000 đồng

- Trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành bằng 1% vượt lợi nhuận sau thuế: $1\% \times (136.827.106.419 - 34.550.000.000) = 1.022.771.000$ đồng

- Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển: 7.078.587 đồng

- Số còn lại chia cổ tức hết: 126.205.430.832 đồng

***Dự kiến chia cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 122,96%/vốn điều lệ)**

Tổng số tiền: 126.205.430.832 đồng.

+ Đã tạm ứng. Trong tháng 12/2020 thực hiện nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 27/11/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 đã thống nhất mức tạm ứng cổ tức: 40%/vốn điều lệ; cổ tức chi tạm ứng cho mỗi cổ phần: 4.000đ/CP (thực hiện chi trong tháng 12/2020) **Tổng số tiền: 41.055.768.000 đồng**

+ Dự kiến chia tiếp cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 82,96%/vốn điều lệ, chi trong năm 2021 với tổng số tiền: 85.149.662.832 đồng

Trong đó:

CĐNN (TCTCNTPDN) (8.654.142CP X 8.296đ): 71.794.762.032 đồng

CĐ CBCNV + Bên ngoài (1.609.800CP X 8.296đ): 13.354.900.800 đồng

Cổ tức chia cho mỗi CP (mệnh giá 10.000đ); 8.296đ/CP

Tổ chức thực hiện: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định ngày chốt danh sách và thực hiện các thủ tục chi trả tiếp cổ tức năm 2020 theo đúng quy định.

Biểu quyết:% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5.5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021

4. Lợi nhuận trước thuế TNDN kế hoạch năm 2021: 51.500 triệu đồng;

5. Lợi nhuận sau thuế TNDN kế hoạch năm 2021: 43.335 triệu đồng;

6. Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích lập;
- Quỹ khen thưởng - phúc lợi người lao động, quỹ thưởng Ban Quản lý Điều hành trích lập theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, các văn bản pháp luật liên quan và vận dụng phù hợp với tình hình, đặc điểm thực tế Công ty.

- Tiền thưởng cho Người Quản lý trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021: tối đa bằng 1,5% (một phẩy năm phần trăm) trên phần lợi nhuận sau thuế TNDN thực hiện 2021 vượt so với lợi nhuận sau thuế TNDN kế hoạch năm 2021:

- Cổ tức năm 2021: Dự kiến chia từ 30%/vốn điều lệ trở lên

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 để quyết định mức tạm ứng cổ tức trong năm 2020 và thực hiện các thủ tục chi tạm ứng cổ tức năm 2020 theo đúng quy định.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5.6. Đại hội thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Người quản lý công ty năm 2020 .

a) Tiền lương của người quản lý chuyên trách năm 2020 (Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS) được thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội.

b) Mức thù lao của HĐQT và BKS thực hiện năm 2020: 295.000.000 đồng

c) Tiền lương bình quân thực hiện của Trưởng BKS năm 2020 (không có thù lao) là: 15.000.000đ/tháng.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5.7. Đại hội thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Người quản lý công ty kế hoạch năm 2021.

a) Kế hoạch Tiền lương, tiền thưởng của người quản lý chuyên trách năm 2021 (Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát) được thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các văn bản pháp luật liên quan và phù hợp với tình hình đặc điểm thực tế của Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát hưởng lương chuyên trách (không có thù lao) năm 2021 là 18.000.000 đồng/tháng.

b) Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021: Thực hiện mức chi như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Mức chi/người/tháng	Số tiền cả năm
1	01 Chủ tịch HĐQT	đồng	6.000.000	72.000.000
2	01 Phó Chủ tịch HĐQT	“	5.500.000	66.000.000
3	03 Thành viên HĐQT	“	5.000.000	180.000.000
	Thù lao HĐQT	đồng		318.000.000
1	Thù lao BKS (02 người)	đồng	4.000.000	96.000.000
	Tổng cộng			414.000.000

c) Tiền thưởng cho Người Quản lý trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 (trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021): mức trích tối đa bằng 1,5% (một phẩy năm phần trăm) trên phần lợi nhuận sau thuế TNDN thực hiện 2021 vượt so với lợi nhuận sau thuế TNDN kế hoạch năm 2021:

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5.8. Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2021.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chọn các công ty kiểm toán trong danh mục cho phép của Bộ Tài chính để kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2021.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5.9. Bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2025

-Tờ trình bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 - 2025

-Tờ trình V/v đề cử Ban kiểm phiếu gồm Ông, Bà có tên sau và được Đại hội nhất trí% bằng biểu quyết.

1. Ông: Trương Tấn Cường - Trưởng ban

2. Bà: Nguyễn Thị Đỗ Uyên - Thành viên

3. Bà: Huỳnh Thị Kim Ngân - Thư ký

a) Kết quả bầu Thành viên HĐQT:

- Ông Đinh Văn Hồng Tỷ lệ.....%
- Ông Đinh Ngọc Mến Tỷ lệ.....%
- Ông Lâm Hùng Phương Tỷ lệ.....%
- Ông Trần Minh Phương Tỷ lệ.....%
- Ông Nguyễn Diên Tường Tỷ lệ.....%

b) Kết quả bầu Thành viên BKS:

- Bà Ngô Thị Cẩm Hà Tỷ lệ:%
- Ông Hoàng Ngọc Long Tỷ lệ:%
- Ông Nguyễn Minh Tiến Tỷ lệ:%

Thành viên HĐQT và Thành viên Ban kiểm soát ra mắt Đại hội

6. Phát biểu ý kiến của Ông(Bà) HDTV Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai:

- Lời đáp từ của Đoàn Chủ tịch

7. Thông qua Nghị quyết Đại hội:

Ông Trần Minh Phương – Thư ký thông qua nội dung Nghị quyết và xin ý kiến biểu quyết của cổ đông dự Đại hội.

Biểu quyết:% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai bế mạc lúc giờ phút ngày 08 tháng 6 năm 2021.

Biên bản Đại hội được thông qua toàn thể cổ đông dự họp./.

THƯ KÝ

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Trần Minh Phương

Đinh Văn Hồng

Số: /NQ-ĐHĐCĐTN

Đồng Nai, ngày 08 tháng 6 năm 2021

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3600267730,
do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp
đăng ký lần đầu ngày 29/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13/6/2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Nông Súc Sản Đồng Nai.

Căn cứ vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 08/6/2021 của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai.

Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được tổ chức tại Hội trường Văn phòng Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai địa chỉ số 238 Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào lúc giờ 30' ngày 08 tháng 6 năm 2021.

Đại hội có mặt: Tổng số dự họp là cổ đông/đại diện cổ đông với số cổ phần sở hữu và được uỷ quyền dự họp; cổ phần, chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ.

Vắng mặt: cổ đông đại diện cho cổ phần, chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai đã nhất trí thông qua và Quyết nghị các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai với một số chỉ tiêu chính như sau.

- Tổng doanh thu : 355.596 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 161.599 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 136.827 triệu đồng

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

Biểu quyết:% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 270.000 triệu đồng.
- Sản phẩm:
 - Heo thịt : 4.200 tấn
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 51.500 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 43.335 triệu đồng.
- Chia cổ tức năm 2021: mức chia cổ tức từ 30%/vốn điều lệ trở lên

Giao cho HĐQT triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021.

Biểu quyết: 100 % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Điều 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020:

1.Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối:

a. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 136.827.106.419 đồng

(Trừ chi phí thù lao HĐQT và BKS năm 2020: 160.000.000 đồng)

**Lợi nhuận sau thuế năm 2020 còn lại phân phối các quỹ và chia cổ tức:
136.667.106.419 đồng**

b. Phân phối lợi nhuận:

***Lợi nhuận năm 2020 phân phối các quỹ: 10.461.675.587 đồng**

- Trích lập quỹ khen thưởng (Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 13/6/2016): 4.715.913.000 đồng

- Trích lập quỹ phúc lợi (Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 13/6/2016): 4.715.913.000 đồng

- Trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành bằng 1% vượt lợi nhuận sau thuế:
 $1\% \times (136.827.106.419 - 34.550.000.000) = 1.022.771.000$ đồng

- Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển: 7.078.587 đồng

- Số còn lại chia cổ tức hết: 126.205.430.832 đồng

***Dự kiến chia cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 122,96%/vốn điều lệ)**

Tổng số tiền: 126.205.430.832 đồng.

+ **Đã tạm ứng.** Trong tháng 12/2020 thực hiện nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 27/11/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 đã thống nhất mức tạm ứng cổ tức: 40%/vốn điều lệ; cổ tức chi tạm ứng cho mỗi cổ phần: 4.000đ/CP (đã thực hiện chi trong tháng 12/2020)

Tổng số tiền: **41.055.768.000 đồng**

+ Dự kiến chia tiếp cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 82,96%/vốn điều lệ, chi trong năm 2021 với tổng số tiền: 85.149.662.832 đồng

Trong đó:

CĐNN (TCTCNTPDN) (8.654.142CP X 8.296đ): 71.794.762.032 đồng

CĐ CBCNV + Bên ngoài (1.609.800CP X 8.296đ): 13.354.900.800 đồng

Cổ tức chia cho mỗi CP (mệnh giá 10.000đ); 8.296đ/CP

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định ngày chốt danh sách và thực hiện các thủ tục chi trả tiếp cổ tức năm 2020 theo đúng quy định.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021

7. Lợi nhuận trước thuế TNDN kế hoạch năm 2021: 51500 triệu đồng;

8. Lợi nhuận sau thuế TNDN kế hoạch năm 2021: 43.335 triệu đồng;

9. Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích lập;

- Quỹ khen thưởng - phúc lợi người lao động, quỹ thưởng Ban Quản lý Điều hành trích lập theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, các văn bản pháp luật liên quan và phù hợp với tình hình, đặc điểm thực tế Công ty.

- Tiền thưởng cho Người Quản lý trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021: tối đa bằng 1% (một phần trăm) trên phần lợi nhuận sau thuế TNDN thực hiện 2021 vượt so với lợi nhuận sau thuế TNDN kế hoạch năm 2021:

- Cổ tức năm 2021: Dự kiến chia từ 30%/vốn điều lệ trở lên.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 để quyết định mức tạm ứng cổ tức trong năm 2021 và thực hiện các thủ tục chi tạm ứng cổ tức năm 2021 theo đúng quy định.

Điều 9. Đại hội thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Người quản lý công ty năm 2020 .

a) Tiền lương của người quản lý chuyên trách năm 2020 (Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS) được thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội.

b) Mức thù lao của HĐQT và BKS thực hiện năm 2020: 295.000.000 đồng

c) Tiền lương bình quân thực hiện của Trưởng BKS năm 2020 (không hưởng thù lao) là: 15.000.000đ/tháng.

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 10. Đại hội thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Người quản lý công ty kế hoạch năm 2021.

a) Kế hoạch Tiền lương, tiền thưởng của người quản lý chuyên trách năm 2021 (Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát) được thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các văn bản pháp luật liên quan và phù hợp với tình hình đặc điểm thực tế của Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát hưởng lương chuyên trách (không có thù lao) năm 2021 là 18.000.000 đồng/tháng.

b) Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021: Thực hiện mức chi như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Mức chi/người/tháng	Số tiền cả năm
1	01 Chủ tịch HĐQT	đồng	6.000.000	72.000.000
2	01 Phó Chủ tịch HĐQT	“	5.500.000	66.000.000
3	03 Thành viên HĐQT	“	5.000.000	180.000.000
	Thù lao HĐQT	đồng		318.000.000
1	Thù lao BKS (02 người)	đồng	4.000.000	96.000.000
	Tổng cộng			414.000.000

c) Tiền thưởng cho Người Quản lý trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 (trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021): mức trích tối đa bằng 1,5% (một phẩy năm phần trăm) trên phần lợi nhuận sau thuế TNDN thực hiện 2021 vượt so với lợi nhuận sau thuế TNDN kế hoạch năm 2021:

Biểu quyết: % tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 11. Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2021.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chọn các công ty kiểm toán trong danh mục cho phép của Bộ Tài chính để kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2021.

Biểu quyết:% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 12. Thông qua kết quả Bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2025

c) Kết quả bầu Thành viên HĐQT:

- | | |
|-------------------------|-------------|
| - Ông Đinh Văn Hồng | Tỷ lệ.....% |
| - Ông Đinh Ngọc Mến | Tỷ lệ.....% |
| - Ông Lâm Hùng Phương | Tỷ lệ.....% |
| - Ông Trần Minh Phương | Tỷ lệ.....% |
| - Ông Nguyễn Diên Tường | Tỷ lệ.....% |

d) Kết quả bầu Thành viên BKS:

- | | |
|------------------------|---------------|
| - Bà Ngô Thị Cẩm Hà | Tỷ lệ:% |
| - Ông Hoàng Ngọc Long | Tỷ lệ:% |
| - Ông Nguyễn Minh Tiến | Tỷ lệ:% |

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được 100% cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 08/6/2021 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cổ đông Công ty cổ phần Nông sản Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình, đảm bảo lợi ích của cổ đông, lợi ích của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 13;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu: Thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Đinh Văn Hồng

MỤC LỤC

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

115

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY..... 153

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 211

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 230

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

<u>I.</u>	<u>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</u>	<u>119</u>
Điều 1.	<u>Giải thích thuật ngữ.....</u>	119
<u>II.</u>	<u>TÊN, HÌNH THỨC, TRU SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</u>	<u>120</u>
Điều 2.	<u>Tên, hình thức, tru sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</u>	120
Điều 3.	<u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....</u>	120
<u>III.</u>	<u>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</u>	<u>121</u>
Điều 4.	<u>Mục tiêu hoạt động của Công ty</u>	121
Điều 5.	<u>Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....</u>	122
Điều 6.	<u>Tổ chức Đảng công sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác</u>	122
<u>IV.</u>	<u>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</u>	<u>122</u>
Điều 7.	<u>Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....</u>	122
Điều 8.	<u>Chứng nhận cổ phiếu</u>	123
Điều 9.	<u>Chứng chỉ chứng khoán khác.....</u>	123
Điều 10.	<u>Chuyển nhượng cổ phần</u>	123
Điều 11.	<u>Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....</u>	123
<u>V.</u>	<u>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</u>	<u>124</u>
Điều 12.	<u>Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</u>	124
<u>VI.</u>	<u>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</u>	<u>124</u>
Điều 13.	<u>Quyền của cổ đông.....</u>	124
Điều 14.	<u>Nghĩa vụ của cổ đông.....</u>	125
Điều 15.	<u>Đại hội đồng cổ đông</u>	126
Điều 16.	<u>Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u>	127
Điều 17.	<u>Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>	128
Điều 18.	<u>Thay đổi các quyền</u>	129
Điều 19.	<u>Triều tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>	129
Điều 20.	<u>Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u>	131
Điều 21.	<u>Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>	131
Điều 22.	<u>Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</u>	133
Điều 23.	<u>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....</u>	133
Điều 24.	<u>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....</u>	135

Điều 25.	<u>Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u>	135
<u>VII.</u>	<u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	136
Điều 26.	<u>Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u>	136
Điều 27.	<u>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</u>	137
Điều 28.	<u>Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u>	137
Điều 29.	<u>Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u>	138
Điều 30.	<u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>	139
Điều 31.	<u>Cuộc họp của Hội đồng quản trị</u>	139
Điều 32.	<u>Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u>	142
Điều 33.	<u>Người phụ trách quản trị công ty</u>	142
<u>VIII.</u>	<u>GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u>	142
Điều 34.	<u>Tổ chức bộ máy quản lý</u>	142
Điều 35.	<u>Người điều hành Doanh nghiệp</u>	143
Điều 36.	<u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</u>	143
Điều 37.	<u>Thư ký Công ty</u>	143
<u>IX.</u>	<u>BAN KIỂM SOÁT</u>	144
Điều 38.	<u>Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</u>	144
Điều 39.	<u>Thành phần Ban Kiểm soát</u>	144
Điều 40.	<u>Trưởng Ban kiểm soát</u>	145
Điều 41.	<u>Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</u>	145
Điều 42.	<u>Cuộc họp của Ban kiểm soát</u>	145
Điều 43.	<u>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</u>	146
<u>X.</u>	<u>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u>	146
Điều 44.	<u>Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u>	146
Điều 45.	<u>Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</u>	147
<u>XI.</u>	<u>QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u>	147
Điều 46.	<u>Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</u>	147
<u>XII.</u>	<u>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</u>	148
Điều 47.	<u>Công nhân viên và công đoàn</u>	148
<u>XIII.</u>	<u>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</u>	148
Điều 48.	<u>Phân phối lợi nhuận</u>	148
<u>XIV.</u>	<u>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</u>	149
Điều 49.	<u>Tài khoản ngân hàng</u>	149

Điều 50.	<u>Năm tài chính</u>	149
Điều 51.	<u>Chế độ kế toán</u>	149
<u>XV.</u>	<u>BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</u>	149
Điều 52.	<u>Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</u>	149
Điều 53.	<u>Báo cáo thường niên</u>	150
<u>XVI.</u>	<u>KIỂM TOÁN CÔNG TY</u>	150
Điều 54.	<u>Kiểm toán</u>	150
<u>XVII.</u>	<u>DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</u>	150
Điều 55.	<u>Dấu của doanh nghiệp</u>	150
<u>XVIII.</u>	<u>GIẢI THỂ CÔNG TY</u>	150
Điều 56.	<u>Giải thể công ty</u>	150
Điều 57.	<u>Gia hạn hoạt động</u>	151
Điều 58.	<u>Thanh lý</u>	151
<u>XIX.</u>	<u>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</u>	151
Điều 59.	<u>Giải quyết tranh chấp nội bộ</u>	151
<u>XX.</u>	<u>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</u>	152
Điều 60.	<u>Điều lệ công ty</u>	152
<u>XXI.</u>	<u>NGÀY HIỆU LỰC</u>	152
Điều 61.	<u>Ngày hiệu lực</u>	152

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Điều lệ này của Công Ty Cổ Phần Nông Sản Đồng Nai (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 12 tháng 08 năm 2005, được bổ sung sửa đổi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 31/3/2008, ngày 22/04/2010, ngày 28/4/2016 và ngày...../...../2021

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sổ giao dịch chứng khoán* là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG NAI AGRICULTURAL LIVESTOCK PRODUCT JOINT STOCK COMPANY.
- Tên Công ty viết tắt: DOLICO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 238, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại: (0251) 3899790
- Fax: (0251) 3899102
- E-mail: dolicomail@dolicovn.com.
- Website: www.dolicovn.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày thành lập.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện

theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chăn nuôi lợn Chi tiết: Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo	0145 (Chính)
2	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm.	0146
3	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi Chi tiết: Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi	0162
4	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến	4620
5	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt	4632
6	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt	1010
7	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc	1080
8	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến rau, củ, quả	1030
9	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng, dầu, dầu, nhớt (theo quy hoạch của tỉnh)	4730
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi.	4653
11	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng địa ốc.	4100
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng	4290
13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho	6810
14	Bán mô tô, xe máy	4541

	Chi tiết: Bán buôn xe gắn máy	
15	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải)	4511
16	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải)	4512
17	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
18	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với đối với Nhà nước.

Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCSHCM và các tổ chức khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam, điều lệ và các quy định, hướng dẫn của các tổ chức đó.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, các đoàn thể Chính trị - Xã hội trong công ty hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, điều lệ, quy định, hướng dẫn của tổ chức đó.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 102.639.420.000 đồng (*Một trăm lẻ hai tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.263.942 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600267730, đăng ký lần đầu ngày ngày 29/08/2005. Căn cứ theo quy định Luật

Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách

nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Giám đốc.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- m) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- n) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- o) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- p) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- q) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- r) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- s) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

- t) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- u) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- v) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- w) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- x) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- f) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- g) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- h) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- i) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại được đề cử theo quy định tại điều 25, điều 37 điều lệ này.

Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định quy định pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt/Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy

quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- h) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- i) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- j) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- k) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- l) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- m) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- n) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- c) Chủ tọa/Hội đồng quản trị cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị / Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị / Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c) Định hướng phát triển công ty;
 - d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
 - h) Tổ chức lại, giải thể công ty.
 - i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày

trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng

tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy

định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
 - r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị .
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định pháp luật.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. ghi quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội

đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- c) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- d) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- e) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- f) Tham dự các cuộc họp;
- g) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- i) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- j) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- k) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Ban Giám đốc Công ty bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quyết định của Ban Giám Đốc Công ty.

Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- j) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- k) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- l) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- m) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- o) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- p) Tuyển dụng lao động;
- q) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 26 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi

biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem

xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung

cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo tài chính năm.

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

GIẢI THỂ CÔNG TY

Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [..03. ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

NGÀY HIỆU LỰC

Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông sản Đồng Nai **nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại ...** và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
5. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và toàn thể CBCNV công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh điều lệ này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2021

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG 160

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 160

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt..... 160

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... 161

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... 161

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông..... 161

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông..... 161

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông 161

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông 162

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 164

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 164

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông 164

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông 166

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 167

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 168

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông 168

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội 169

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết..... 169

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử 170

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu 171

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua..... 172

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu..... 172

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông 172

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... 173

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 174

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN..... 174

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 174

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản 174

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN----- 176

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	176
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	176
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử-----	177
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	177
Điều 28. Điều kiện tiến hành -----	178
Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến-----	178
Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	178
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến-----	178
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến-----	179
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	179
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	179
Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	179

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN ----- 179

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông-----	179
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	180
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông-----	180
Điều 39. Điều kiện tiến hành -----	180
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông-----	180
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu-----	180
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu -----	180
Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	180
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	180
Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	180

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 181

Mục 1. Quy định chung----- 181

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT -----	181
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT -----	181

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT ----- 182

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT -----	182
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT -----	182

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị -----	183
Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	183
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị -----	184
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị -----	184
Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị -----	184
Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị -----	185
Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	185
Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	185
Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị -----	186
Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm -----	186
Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường -----	186
Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát 187	
Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị -----	187
Điều 61. Cách thức biểu quyết -----	187
Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị -----	189
Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị -----	189
Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị -----	189
Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị -----	190
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị -----	190
Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị -----	191
Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	191
Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	191
Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty -----	191
Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	191
Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	191
Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	191
Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty -----	191
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT 193	
Mục 1. Quy định chung -----	193
Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát -----	193
Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát -----	193
Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát -----	193
Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát -----	194

Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát -----	194
Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát -----	195
Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	195
Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	195
Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát -----	196

CHƯƠNG 5 - GIÁM ĐỐC..... 197

Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc -----	197
Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc-----	197
Điều 83. Ứng cử, đề cử Giám đốc -----	197
Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc ----	198
Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc-----	198

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC 199

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc —— - 199

Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc -----	199
Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	199
Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Giám đốc-----	199
Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT-----	199
Điều 91. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao ----	200
Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc	201
Điều 93. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS -----	201
Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên-----	201

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác 204

Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác-----	204
Điều 96. Khen thưởng -----	204
Điều 97. Kỷ luật-----	204

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 206

Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty -----	206
--	-----

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC 206

Điều 99. Ngày hiệu lực ----- 206

PHỤ LỤC I..... 207

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HĐQT 207

Điều 1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban 207

Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ----- 209

Điều 3. Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ ----- 210

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Công ty: là Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
3. HĐQT: là Hội đồng quản trị
4. Ứng cử: là tự đề cử
5. BKS: là Ban kiểm soát
6. VSD: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 15, Điều 16 Điều lệ công ty.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 15 Điều lệ công ty)

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

- a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty;
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 15 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 15 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên.
- h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra **cổ đông/đại biểu**:
- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 19 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ công ty;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp

quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 17 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 5 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
 - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty;
 - b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm

- văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 - Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết .
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày

dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 23 Điều lệ công ty)

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 16 Điều lệ công ty)

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết..

➤ Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên cần bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
 - + Nội dung khác theo quy định tại quy chế bầu cử.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.
- b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.
- c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành; không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f. Gia hạn hoạt động công ty;
 - g. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 132 & Điều 151 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời

hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - c. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - d. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - f. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - g. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - h. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - i. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - j. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - k. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - l. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- c. Định hướng phát triển công ty;
- d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 19; Điều 23, 25 Điều lệ công ty)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận

việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ theo quy định tại quy chế bầu cử.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 27 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc của 01 công ty đại chúng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Khoản 1,2,3 Điều 26 Điều lệ công ty)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên..
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán

thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên

theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách

nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 31 Điều lệ công ty)

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 61. Cách thức biểu quyết

(Căn cứ Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 31 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 44 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty.
Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 31 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 31 Điều lệ công ty)

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

(Căn cứ, Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được quy định chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 2 Điều 33 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty

Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 1 Điều 33 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ Khoản 3 Điều 33 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 1 Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của Luật doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

((Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến

dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên; từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG 5 - GIÁM ĐỐC

Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 36 Điều lệ công ty)

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 3 Điều 36 Điều lệ công ty)

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 83. Ứng cử, đề cử Giám đốc

Ban Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 82 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Giám đốc.

Điều 84. .Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 36 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 28 và Điều 36 Điều lệ công ty.

Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 36, Điều 41 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
 - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 41 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - b. Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi xét thấy các quyền của Giám đốc theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
- 2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
 - a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - c. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
 - d. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
 - e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;
 - f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
 - h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 91. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 36 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiệnNQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 81 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Giám đốc.

Điều 93. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 36, Khoản 3 Điều 44, Điều 46 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Các nội dung theo Điều 90 quy chế này;
 - b. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
 - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - b. Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
 - c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác.
Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- d. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- e. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc:

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
- b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

- d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình
3. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT: Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
- a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - c. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - d. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
 - e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 96. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 95 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 97. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 99. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 99 Điều, 01 Phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I

TIÊU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HĐQT

Điều 1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban

1. Vai trò của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung sau đây:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của công ty.
- Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của công ty đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
- Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà công ty đạt được.

2. Trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận thuộc công ty.
- Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ.

3. Thẩm quyền của tiểu ban kiểm toán nội bộ

- Được trang bị nguồn lực cần thiết, được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: Việc lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách, kế toán và quyết toán ngân sách đối với công ty dự toán; dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước đối với địa phương, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược đối với doanh nghiệp và các loại báo cáo khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của công ty.
- Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
- Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
- Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của công ty.

- Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các công ty, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.
- Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/công ty được kiểm toán.
- Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của công ty.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán nội bộ

a. Trách nhiệm:

- Thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
- Xác định các thông tin đầy đủ, tin cậy, phù hợp và hữu ích cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm toán;
- Căn cứ vào các phân tích và đánh giá phù hợp để đưa ra kết luận và các kết quả kiểm toán một cách độc lập, khách quan;
- Lưu các thông tin liên quan để hỗ trợ các kết luận và đưa ra kết quả kiểm toán;
- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán được giao thực hiện;
- Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

b. Quyền hạn:

- Trong khi thực hiện kiểm toán có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;
- Có quyền yêu cầu bộ phận/đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung kiểm toán;
- Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công;
- Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của người phụ trách kiểm toán nội bộ

a. Trách nhiệm:

- Quản lý và điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ theo quy định;
- Đảm bảo nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ được đào tạo thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ;
- Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực của kiểm toán nội bộ;
- Báo cáo các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Có ý kiến khi có đề nghị tham vấn của người phụ trách kiểm toán nội bộ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;
- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện;
- Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;

- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.
- b. Quyền hạn:
- Đề xuất với các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định 05/2019/NĐ-CP ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ và các phương pháp nghiệp vụ kiểm toán nội bộ;
 - Được đề nghị trung tập người ở các bộ phận khác của đơn vị; được đề xuất thuê chuyên gia, tư vấn, thuê dịch vụ kiểm toán tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần thiết, với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ;
 - Dự các cuộc họp theo quy định nội bộ của đơn vị và quy định của pháp luật;
 - Thực hiện các quyền hạn quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 23 Nghị định 05/2019/NĐ-CP;
 - Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị.

Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ

1. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
 - a. Nhiệm kỳ của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ cũng chính là nhiệm kỳ thành viên HĐQT của chính thành viên đó. Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm 02 thành viên, được thành lập bởi Hội đồng quản trị.
 - b. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban:
 - Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.
 - Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại công ty đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.
 - Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.
 - Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.
 - Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên HĐQT;
 - c. Cơ cấu thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ phải đảm bảo như sau :
 - Tối thiểu 01 thành viên đảm nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.
 - Tối thiểu 01 thành viên đảm nhiệm việc phụ trách công tác kiểm toán nội bộ của công ty.
 - Trường hợp cần thiết, Công ty có thể thuê tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoạt động kiểm toán theo quy định của pháp luật để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ hoặc thành lập tổ giúp việc.
2. Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

Các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Phụ lục này và trình lên HĐQT xem xét khi HĐQT có

nhu cầu tìm kiếm ứng viên. HĐQT sẽ tiến hành biểu quyết bầu TV ban Kiểm toán Nội Bộ theo trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT của quy chế này.

Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ khi không còn đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Phụ lục này.

Điều 3. Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ

Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ được thực hiện theo Quy chế và quy trình kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị công ty ban hành.

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số ... ngày ... tháng ... năm 2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

MỤC LỤC

<u>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</u>	213
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	213
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	213
<u>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	213
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	213
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	214
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	214
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	214
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	215
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	215
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	216
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	217
<u>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	218
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	218
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	219
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	220
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	221
<u>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	222
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	222
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	224
<u>CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</u>	226
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	226
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	226
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	227
<u>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	228
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	228
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	228
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	228
<u>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</u>	229
Điều 23. Hiệu lực thi hành	229

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.
- Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.
- Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

5. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất

hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không

quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 44 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

m) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

n) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những

trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đinh Văn Hồng

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết Ban Kiểm soát số ... ngày ... tháng ... năm 2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

MỤC LỤC

<u>ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ</u>	232
<u>CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG</u>	232
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	232
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	232
<u>CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</u>	233
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	233
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	233
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	233
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	234
Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	234
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	234
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	235
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	235
<u>CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT</u>	237
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	237
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	238
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	239
<u>CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT</u>	240
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	240
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	240
<u>CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH</u>	241
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	241
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	241
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	242
<u>CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</u>	243
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	243
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	243
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	243
<u>CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</u>	243
Điều 22. Hiệu lực thi hành	243

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên.

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp..

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm hoặc tổ chức đề cử giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát đối với vấn đề cần kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp

luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nông sản Đồng Nai bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)